

2022

2023

2024

Vững Tiến
TƯƠNG LAI

2023
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ĐỒNG HÀNH - ĐỒNG CHIA SẺ
cùng Quý Khách hàng trong suốt hơn 28 năm qua.

NỘI DUNG

- 04 Các con số nổi bật năm 2023
- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 10 Tổng quan về Bảo Long
- 14 Mạng lưới hoạt động
- 16 Cổ đông và Đối tác
- 18 Lịch sử hình thành và phát triển
- 20 Thông tin cổ phần và cổ đông
- 22 Sự kiện nổi bật năm 2023
- 24 Các giải thưởng tiêu biểu
- 26 Sơ đồ tổ chức
- 28 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 32 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 34 Giới thiệu Ban Điều hành
- 40 Mục tiêu phát triển giai đoạn 2023-2027
- 42 Rủi ro và quản lý rủi ro

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2023 & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- 46 Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023
- 50 Báo cáo tình hình triển khai các giải pháp kinh doanh năm 2023
- 54 Kế hoạch hoạt động và Giải pháp kinh doanh 2024
- 58 Nguồn Nhân lực và Đào tạo

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 64 Quản trị Doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững
- 66 Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan
- 68 Trách nhiệm với môi trường

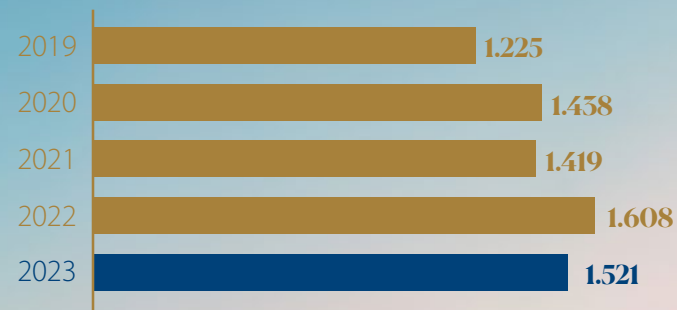
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

- 72 Thông tin về Tổng Công ty
- 73 Báo cáo của Ban Điều hành
- 74 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 76 Bảng cân đối kế toán
- 80 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 83 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 85 Thuyết minh báo cáo tài chính

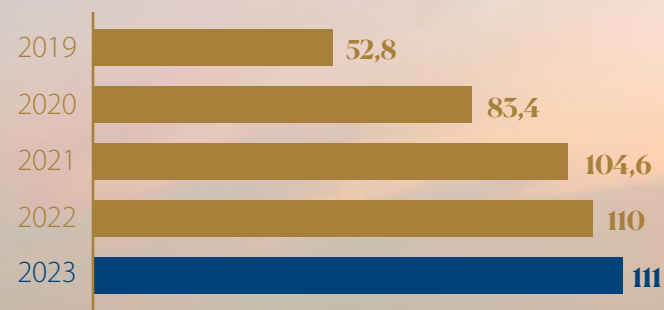
CÁC CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2023



DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM (tỷ đồng)



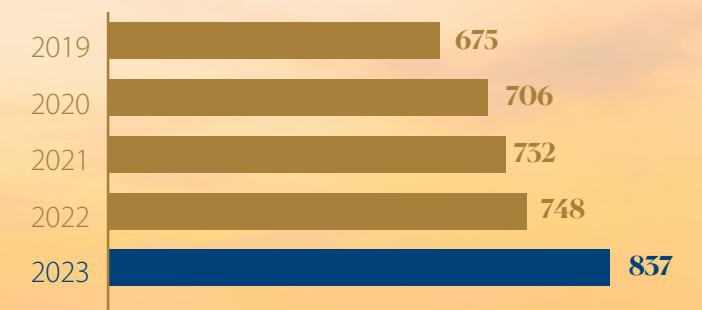
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (tỷ đồng)



TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)



VỐN CHỦ SỞ HỮU (tỷ đồng)



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ, Nhân viên Công ty,

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long), Tôi xin gửi tới Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông và Toàn thể Cán bộ nhân viên Bảo Long lời chào, lời cảm ơn trân trọng vì sự đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua!

Với sự quyết tâm cao của tập thể Cán bộ nhân viên, sự ủng hộ của Quý Khách hàng, Quý Đối tác, Quý Cổ đông và ý chí vững vàng của Ban lãnh đạo mà bất kể trở ngại nào Bảo Long cũng đều vượt qua. Trong năm 2023, Bảo Long đã chứng minh được bản lĩnh của một thương hiệu vững vàng trước mọi sóng gió thời cuộc khi lợi ngược dòng và ghi nhận được những kết quả khả quan.

Tính đến hết năm 2023, Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm: 1.258 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của Bảo Long đạt 111,018 tỷ đồng, đạt 111% so với kế hoạch. Vốn chủ sở hữu năm 2023 đạt 836,904 tỷ đồng tăng 12% so với năm 2022. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 7% xuống còn 244,7 tỷ đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, bước sang năm 2024, kinh tế - xã hội nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt. Với thông điệp "Vững Tiến Tương Lai", Bảo Long muốn truyền tải thông điệp mạnh mẽ và sẵn sàng bước vào chặng đường mới tiếp theo với những giá trị tốt đẹp hơn. Bên cạnh nỗ lực đảm bảo hiệu quả kinh doanh, Bảo Long đã chủ động nắm bắt mọi cơ hội phục hồi của thị trường để đáp ứng linh hoạt, liên tục cải tiến sản phẩm, dịch vụ. Bảo Long cũng tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, xây dựng nhiều chương trình đào tạo chuyên nghiệp với nhiều nội dung đào tạo chuyên sâu cho Cán bộ nhân viên qua đó nâng cao chất lượng nhân sự

để tạo đà phát triển. Tập trung thực hiện các giải pháp nhằm phát triển thị trường, phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Trải qua hơn 28 năm hình thành và phát triển, Bảo Long vẫn luôn nỗ lực cải thiện dịch vụ và lắng nghe khách hàng để mang đến những trải nghiệm tốt nhất. Với những chiến lược đúng đắn, Bảo Long sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành công hơn nữa, vươn lên tầm một cao mới trong tương lai.

Bằng những quyết tâm và nỗ lực trong việc xây dựng và phát triển để trở thành một trong những Doanh nghiệp bảo hiểm uy tín hàng đầu tại Việt Nam. Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã vinh dự nhận được giải thưởng: Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 2023; Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo mô hình Fortune. Từ đó, khẳng định chất lượng, uy tín và sức mạnh của một thương hiệu Việt trên thị trường trong năm qua.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Tôi xin gửi tới Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông và toàn thể cán bộ nhân viên Bảo Long lời chào, lời cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ, đồng hành của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ, Nhân viên Công ty. Chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng,



NGUYỄN THÀNH LONG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vững vàng trên **HÀNH TRÌNH MỚI**

Trong năm 2023, Bảo Long đã chứng minh được bản lĩnh của một thương hiệu vững vàng trước mọi sóng gió thời cuộc khi lợi ngược dòng và ghi nhận được những kết quả khả quan.

01

GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- 10 Tổng quan về Bảo Long
- 14 Mạng lưới hoạt động
- 16 Cổ đông và đối tác
- 18 Lịch sử hình thành và phát triển
- 20 Thông tin cổ phần và cổ đông
- 22 Sự kiện nổi bật năm 2023
- 24 Các giải thưởng tiêu biểu
- 26 Sơ đồ tổ chức
- 28 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 32 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 34 Giới thiệu Ban Điều hành
- 40 Mục tiêu phát triển giai đoạn 2023-2027
- 42 Rủi ro và quản lý rủi ro

TỔNG QUAN VỀ BẢO LONG

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BẢO LONG

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm vào ngày 11/07/1995, với tên gọi là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng.

Bảo Long là Công ty Cổ phần đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm Phi nhân thọ tại Việt Nam và đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận số 05TC/GCN xác nhận đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Ngày 14/5/2012 Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long).

Trải qua 28 năm hoạt động và phát triển, với 46 công ty thành viên và gần 1.000 đại lý bảo hiểm cùng năng lực tài chính vững mạnh, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, Bảo Long hoàn toàn có khả năng đáp ứng được mọi nhu cầu bảo hiểm của Khách hàng.

THÔNG TIN TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Tên tiếng Anh	BAO LONG INSURANCE CORPORATION
Tên giao dịch Tiếng Việt	BẢO HIỂM BẢO LONG
Tên viết tắt	BẢO LONG
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	059614 ngày 2 tháng 8 năm 1995 Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp
Trụ sở chính	185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	(84.28) 38 239 219
Fax	(84.28) 38 228 967
Website	www.baolonginsurance.com.vn
Tài khoản số	156 01 0126637 0001 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch, TP.HCM
Vốn điều lệ	600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)

TỔNG QUAN VỀ BẢO LONG

SLOGAN

ĐỒNG HÀNH - ĐỒNG CHIA SẺ

Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các khách hàng của mình. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, Bảo Long đã và luôn sẵn sàng đồng hành cùng các nhà đầu tư Việt Nam mở rộng thị trường bảo hiểm đến với các thị trường trong khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar...



TẦM NHÌN

Trở thành Công ty Bảo hiểm được tin nhiệm hàng đầu.



SỨ MỆNH

Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Con người là trọng tâm
- Đội ngũ chính trực
- Không ngừng đổi mới



VỚI KHÁCH HÀNG

Thấu hiểu mọi nhu cầu của khách hàng, đưa ra giải pháp sản phẩm tối ưu, đảm bảo dịch vụ nhanh chóng, chính xác.



VỚI CHÍNH MÌNH

Không ngừng phấn đấu, đổi mới và hoàn thiện.



VỚI NHÂN VIÊN

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng động và chuyên nghiệp, đảm bảo chế độ đãi ngộ công bằng và tạo điều kiện phát triển cho tất cả cán bộ nhân viên.



VỚI XÃ HỘI

Tuân thủ quy định pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.



VỚI ĐỐI TÁC

Hợp tác lâu dài, chia sẻ cơ hội cùng phát triển.



VỚI CỔ ĐÔNG

Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho cổ đông.



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



TỔNG SỐ CÔNG TY
THÀNH VIÊN

46
CÔNG TY



TỔNG SỐ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM
TRÊN TOÀN QUỐC

~1.000
ĐẠI LÝ BẢO HIỂM



TỔNG SỐ ĐIỂM GIAO DỊCH
BẢO HIỂM

230
ĐIỂM GIAO DỊCH

CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI TÁC



CỔ ĐÔNG

Bảo Long vinh dự có các cổ đông là những Doanh nghiệp có uy tín hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, dịch vụ ở Việt Nam. Hiện nay, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank), Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) là những cổ đông lớn của Bảo Long.

ĐỐI TÁC

Trong quá trình kinh doanh bảo hiểm, Bảo Long vinh dự được cộng tác với nhiều đối tác lớn thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau:

- ☆ **Ngân hàng:** Những ngân hàng hàng đầu như Sacombank, Tienphongbank, Eximbank, OCB, BanVietbank, Vietbank, KienLongbank...
- ☆ **Kênh phân phối bảo hiểm truyền thống:** Các công ty môi giới hàng đầu trên thị trường như Aon, Marsh, Willis Towers Watson, ...
- ☆ **Kênh phân phối bảo hiểm phi truyền thống, số hóa các sản phẩm bảo hiểm cá nhân:** Viettel, MSH, Pharmacy, Momo, Shopee...
- ☆ **Tái bảo hiểm:** Ngoài ra, Bảo Long đã cộng tác rất hiệu quả và nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các nhà Tái bảo hiểm lớn trên thế giới như CCR (Caisse Centrale de Reassurance), Swiss Re, Munich Re, ACR; Lloyd's syndicate, QBE, AIG...



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995

Ngày 11/07/1995, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long (tiên thân là Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Nhà Rộng) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh. Bảo Long là Công ty Cổ phần bảo hiểm đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

2012

Ngày 14/5/2012, Bộ Tài Chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

2013

Năm 2013, Bảo Long đã mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua việc thành lập thêm 6 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 19 Đơn vị.

2014

Năm 2014 là năm đánh dấu một cột mốc mới của Bảo Long khi cơ cấu cổ đông có sự thay đổi lớn. Ngày 14/04/2014, Bảo Long được Bộ Tài Chính cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH chấp thuận Ngân Hàng TMCP Sài Gòn là cổ đông chiến lược của Bảo Long. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 2 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 21 đơn vị.

2015

Ngày 11/12/2015, hơn 40,3 triệu cổ phiếu (CP) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long chính thức được giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán BLLI. Cùng năm đó, Bảo Long đã kỷ niệm 20 năm thành lập, chính thức tăng vốn điều lệ lên 404 tỷ đồng, thành lập thêm 9 đơn vị thành viên nâng tổng số đơn vị thành viên lên 30 đơn vị và vinh dự nhận được giải thưởng "Dịch vụ bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2015" do Tổ chức Global Banking and Finance Review Awards của Anh bình chọn.

2016

Bảo Long tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 404 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC9/KDBH do Bộ Tài Chính cấp, thành lập thêm 11 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 41 đơn vị. Năm 2016, Bảo Long vinh dự được bình chọn Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

2017

Ngày 07/04/2017, Bảo Long chính thức tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài chính cấp. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 05 đơn vị thành viên nâng tổng số đơn vị thành viên lên 46 đơn vị thành viên và tiếp tục nhận được giải thưởng Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

2018

Với mục tiêu CHUYỂN ĐỔI TOÀN DIỆN - NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU, Bảo Long đã đạt được dấu ấn 1.092 tỷ đồng doanh thu, vượt cột mốc 1.000 tỷ đồng, đánh dấu một tầm cao mới của Bảo Long trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Đây là bước đệm quan trọng để Bảo Long hướng đến Doanh nghiệp 2.000 tỷ vào năm 2022 theo chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

2019

Năm 2019, Bảo Long tiếp tục kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức, phân vùng hoạt động kinh doanh thành 2 trung tâm kinh doanh miền và 9 vùng trải dài từ Bắc chí Nam. Bảo Long tiếp tục nhận được các giải thưởng Thương hiệu Mạnh và Tin & Dùng Việt Nam.

2020

Bảo Long kỷ niệm 25 năm thành lập bằng nhiều hoạt động nổi bật như tổ chức thành công chương trình talkshow "Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng", thực hiện chương trình khuyến mại "Bảo Long - Vì một cộng đồng bình an và thịnh vượng" với tổng giá trị giải thưởng lên đến 25 lượng vàng SJC, ra mắt gói sản phẩm Điều trị ung thư quốc tế Global Cancer Care thông qua chương trình "Bảo Long - Vì chúng tôi quan tâm đến bạn" cùng nhiều hoạt động hướng về cộng đồng. Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng Top 10 Thương hiệu Mạnh ASEAN và Thương hiệu Tin & Dùng Việt Nam.

2021

Năm 2021, Bảo Long tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự Lãnh đạo. Ra mắt nhiều sản phẩm dịch vụ có chất lượng quốc tế, tập trung phủ sóng truyền thông kỹ thuật số. Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng Top 10 Thương hiệu Mạnh Việt Nam, Top 10 Thương hiệu Mạnh ASEAN.

2022

Năm 2022, Bảo Long tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự Lãnh đạo, tìm kiếm và phát triển đội ngũ kinh doanh với nhiều chương trình hỗ trợ nhân sự. Tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực với đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm, kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu tư vấn cho Khách hàng. Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng Top 10 Thương hiệu Mạnh Việt Nam, Top 10 Sản phẩm chất lượng tốt được người Việt tin dùng.

2023

Năm 2023, Bảo Long mở rộng phát triển kinh doanh, mạng lưới Khách hàng thông qua việc thành lập các Trung tâm Kinh doanh tại các Khu vực trọng điểm. Ngoài ra, Bảo Long cũng điều chỉnh, củng cố hoạt động của bộ máy nhân sự, tập trung đào tạo và đề cử nhân sự tham gia thi các chứng chỉ nghiệp vụ theo quy định của Bộ Tài chính nhằm hoàn thiện kiến thức, kỹ năng của nhân sự. Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng Top 10 Thương hiệu Mạnh Việt Nam, Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG



VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2023

600

Tỷ đồng

THÔNG TIN CỔ PHẦN

tại ngày 31/12/2023:

- ☆ **Tên cổ phiếu:**
CỔ PHIẾU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
- ☆ **Vốn điều lệ của Công ty:**
600.000.000.000 đồng
- ☆ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:**
600.000.000.000 đồng
- ☆ **Số cổ phiếu đang lưu hành:**
59.999.474 cổ phiếu
- ☆ **Cổ phiếu quỹ:** 526
- ☆ **Mệnh giá cổ phiếu:**
10.000 đồng/cổ phiếu
- ☆ **Số cổ phiếu niêm yết:**
60.000.000 cổ phiếu

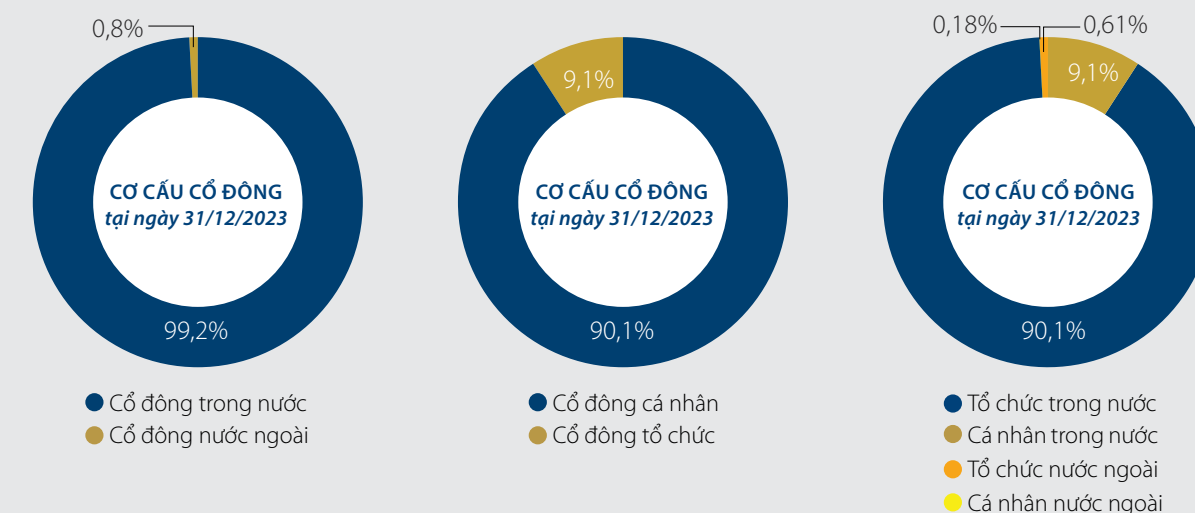
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài tại ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	% VĐL	Cổ phần	% VĐL	Cổ phần	% VĐL
Cá nhân	5.441.410	9,1%	109.888	0,18%	5.551.298	9,25%
Tổ chức	54.081.449	90,1%	367.253	0,61%	54.448.702	90,75%
Tổng cộng	59.522.859	99,2%	477.141	0,8%	60.000.000	100%

Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên) tại ngày 31/12/2023

Tên cổ đông	Vốn cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	49.082.342	81,80%
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.903.651	6,51%
Khác	7.013.481	11,69%
Tổng cộng	59.999.474	100%



SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2023

Năm 2023, toàn thế giới đang đối mặt với nhiều thách thức về kinh tế cũng như sự chuyển mình vượt bậc về công nghệ, Bảo Long cũng chính thức bước vào năm đầu tiên triển khai kế hoạch kinh doanh mới, bắt đầu một chặng đường mới với những bước tiến từ một nền tảng vững vàng.


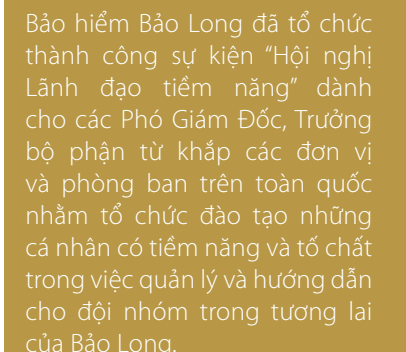

THÁNG 2/2023
10

Khởi đầu năm mới với thật nhiều hy vọng, Ban Lãnh Đạo của Bảo Long đã có chuyến thăm và phổ biến về chiến lược kinh doanh mới với từng Đơn vị thành viên cũng như các lãnh đạo tại Trụ Sở Chính.






THÁNG 3/2023
20

Bảo hiểm Bảo Long đã tổ chức thành công sự kiện "Hội nghị Lãnh đạo tiềm năng" dành cho các Phó Giám Đốc, Trưởng bộ phận từ khắp các đơn vị và phòng ban trên toàn quốc nhằm tổ chức đào tạo những cá nhân có tiềm năng và tố chất trong việc quản lý và hướng dẫn cho đội nhóm trong tương lai của Bảo Long.

THÁNG 4/2023
16

Ngày 16/4/2023, Bảo Long được vinh danh tại Lễ Công bố **Thương hiệu mạnh Quốc Gia 2023** do Hiệp hội thông tin Công nghiệp Châu Á (AIPA), Trung tâm Chống hàng giả, Hiệp hội chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu phối hợp cùng các tổ chức quốc tế tổ chức.

THÁNG 6/2023
30

Vào ngày 30/6/2023, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023, với sự tham dự của các Lãnh đạo là các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Điều Hành và các Cổ đông của Bảo Long.




THÁNG 7/2023
11

Ngày 10/07/2023, tại Trụ sở chính của Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Bảo Long, các lãnh đạo của các Đơn vị thành viên trên toàn quốc cũng như Trụ Sở Chính đã có mặt tại buổi Hội nghị thường niên 2023 và Tổng kết 5 năm tài chính 2018 - 2022. Tại buổi lễ, Ban Lãnh Đạo đã tổng kết các hoạt động trong 5 năm tài chính vừa qua và trao thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc đáng ghi nhận và đồng thời kỷ niệm 28 năm thành lập Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long trên thị trường.




THÁNG 8/2023
12

Bóng đá là một môn thể thao được mệnh danh là môn thể thao vua, tập thể những Cán bộ nhân viên yêu mến môn thể thao vua này rất vui mừng và tích cực góp mặt vào giải đấu Insurance Open Cup 2023 khởi tranh từ ngày 29/07 - 12/08/2023.




THÁNG 1/2024
18

Bảo Long đã vinh dự nhận được giải thưởng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2023 - theo mô hình Fortune 500 do báo Vietnamnet tổ chức.



THÁNG 10/2023
19

Ngày 19/10/2023, Bảo Long đã chính thức ký kết hợp tác với Medici Insurance cho ra mắt sản phẩm mới "Muôn thanh hạnh phúc" được bán rộng rãi trên khắp toàn quốc thông qua các kênh đại lý cũng như mở bán online qua các thiết bị.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

★ NĂM 2006

Cúp vàng "Thương Hiệu Việt"

★ NĂM 2009

Bằng khen "Doanh nghiệp đã có nhiều thành tích đóng góp vào quá trình phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường Bảo hiểm Việt Nam từ năm 1999 - 2009"

★ NĂM 2012

Top 20 "Dịch Vụ Vàng Việt Nam"

★ NĂM 2015

Bằng khen của Bộ Tài chính "Đơn vị đã có nhiều thành tích trong hoạt động kinh doanh góp phần xây dựng và phát triển thị trường Bảo Hiểm trong giai đoạn từ 2010 đến 2015"

Cúp và giấy chứng nhận "Dịch Vụ Bảo Hiểm Tốt Nhất Việt Nam" - do Tạp chí Global Banking & Finance review của Anh Quốc bình chọn

★ NĂM 2016

Cúp và Giấy chứng nhận "Thương Hiệu Mạnh Việt Nam năm 2015" - do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

Top 10 "Công Ty Bảo Hiểm Việt Nam Uy Tín"

★ NĂM 2017

Cúp và giấy chứng nhận "Thương Hiệu Mạnh Việt Nam năm 2016" - do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

Top 10 "Công Ty Bảo Hiểm Việt Nam Uy Tín"

Top 20 "Thương Hiệu Phát Triển Bền Vững"

Top 20 "Sản phẩm, Dịch vụ Chất lượng cao 2017 với sản phẩm Bảo hiểm Bảo Tâm An"

★ NĂM 2018

Cúp và giấy chứng nhận "Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 3 năm liên tiếp" - do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

Top 10 "Công Ty Bảo Hiểm Việt Nam Uy Tín 3 năm liên tiếp"

Top 500 "Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - theo mô hình Fortune 500 4 Năm liên tiếp"

★ NĂM 2019

Cúp và Giấy chứng nhận "Thương Hiệu Mạnh Việt Nam" - do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

Danh hiệu "Thương Hiệu Tin và Dừng Việt Nam"

Top 500 "Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam - theo mô hình Fortune 500"

BAO LONG INSURANCE



★ NĂM 2020

Cúp và giấy chứng nhận "Thương Hiệu Mạnh Asean"

Danh hiệu "Thương Hiệu Tin và Dừng Việt Nam"

★ NĂM 2021

Cúp và giấy chứng nhận "Thương Hiệu Mạnh Asean"

Cúp và giấy chứng nhận "Thương Hiệu Mạnh Việt Nam"

Danh hiệu "Thương Hiệu Tin và Dừng Việt Nam"

★ NĂM 2022

Cúp và giấy chứng nhận "Thương Hiệu Mạnh Việt Nam"

Top 10 "Sản phẩm chất lượng tốt được người Việt tin dùng"

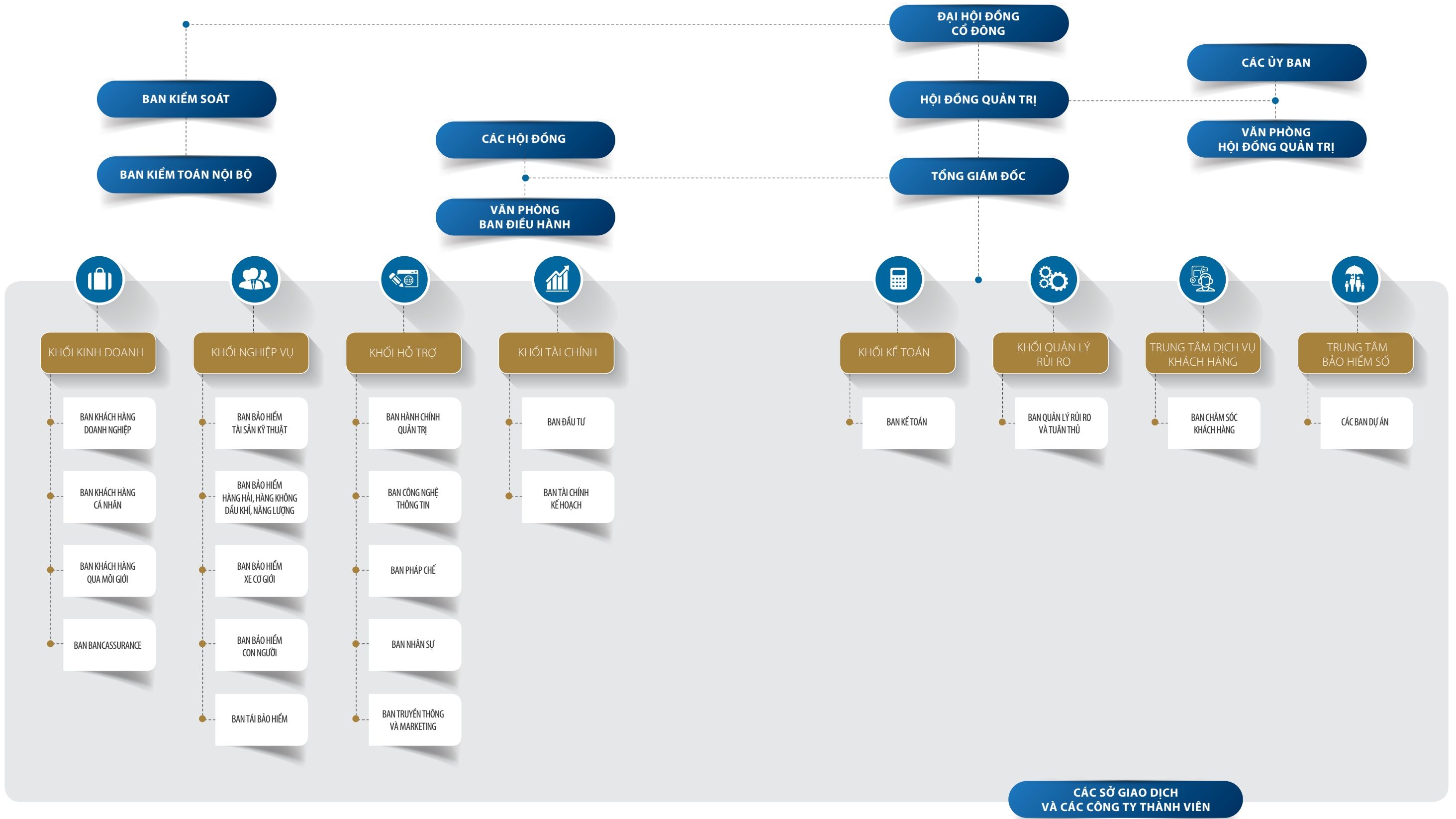
★ NĂM 2023

Cúp và giấy chứng nhận "THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM"

Top 500 "DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM" - Theo mô hình Fortune 500



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN THÀNH LONG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế thương mại, tốt nghiệp khóa lý luận chính trị cao cấp tại Trường Nguyễn Ái Quốc 2.

Ông Nguyễn Thành Long nguyên là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN (Eximbank), Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC).

Hiện nay, Ông Nguyễn Thành Long đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).



ÔNG PHAN QUỐC DŨNG

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Phan Quốc Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp Cử nhân Tài chính - Ngân hàng và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Nguyễn Văn Hùng từng làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ các trọng trách sau: Phó Giám đốc Chi nhánh An Đông, Trưởng phòng Huy động và tiền gửi tiết kiệm Hội sở, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Hội sở, Kế toán trưởng Hội sở và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Hiện nay, Ông Nguyễn Văn Hùng đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kế toán kiêm Kế toán Trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ PHẠM MINH CHÂM

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, ngân hàng tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



ÔNG LẠI QUỐC PHONG

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Lại Quốc Phong tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính tại trường Đại học Michigan và tốt nghiệp Thạc sĩ Luật tại Đại học Luật St.Thomas, Hoa Kỳ.

Ông Phong có 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Giám đốc Tài chính, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc doanh nghiệp.

Ông Lại Quốc Phong hiện đang đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nikko Ventures.



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



BÀ LÊ THỊ THANH BÌNH

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Bình tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Bà Lê Thị Thanh Bình từng giữ những chức vụ tại Bảo Long như: Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Giám đốc Ban Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát.

Hiện nay, Bà Lê Thị Thanh Bình giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long.

BÀ NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tường Vy tốt nghiệp cử nhân Kinh tế.

Bà Nguyễn Thị Tường Vy có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng và từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa; Chuyên viên cao cấp trực thuộc Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Hiện nay, Bà Nguyễn Thị Tường Vy giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).



ÔNG VÕ HOÀNG DUY TRINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Võ Hoàng Duy Trinh tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng – Đại học Ngân hàng và Cử nhân Luật tổng hợp – Đại học Trà Vinh.

Ông Võ Hoàng Duy Trinh có hơn 12 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như: Phó phòng Quản lý Rủi ro Vận hành, Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Vận hành tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Hiện nay, Ông Võ Hoàng Duy Trinh giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Phòng Đào tạo Nghiệp vụ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).



ÔNG TÔN THẮT DIÊN KHOA

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Tôn Thất Diên Khoa tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế.

Ông Tôn Thất Diên Khoa từng đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Kinh doanh Ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).

Hiện nay, Ông Tôn Thất Diên Khoa giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Đầu tư Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG PHAN QUỐC DŨNG

Tổng Giám đốc
kiêm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fulbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Phan Quốc Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới Bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



ÔNG HÀ MINH HIẾU

Kế toán trưởng

Ông Hà Minh Hiếu tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán – Kiểm toán thuộc Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hiếu có hơn 07 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, đảm nhiệm Chức vụ Trưởng nhóm Kiểm toán; hơn 09 năm làm việc trong ngành bảo hiểm tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, từng đảm nhiệm các chức vụ Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế hoạch Tổng CTCP Bảo hiểm Bảo Long và Trưởng phòng Kế toán - Tổng hợp Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn.

Hiện nay, ông Hà Minh Hiếu đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

BÀ PHẠM MINH CHÂM

Phó Tổng Giám đốc Điều hành
kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khởi Tài chính, ngân hàng tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



ÔNG MAI HỒNG VIỆT

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Mai Hồng Việt tốt nghiệp Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội chuyên ngành Kinh tế đối ngoại.

Ông Mai Hồng Việt có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông làm việc tại VPDD SK TP.HCM, Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine và từng giữ chức vụ Giám đốc kinh doanh.

Hiện nay, Ông Mai Hồng Việt giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Khách hàng Qua Môi giới thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG TRẦN THANH NAM
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Trần Thanh Nam tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, chương trình Thạc sĩ Việt - Bỉ (MMVB2).

Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ: Giám đốc Dự án Coca-Cola Beverages Vietnam Ltd, Giám đốc Công ty TNHH XD & TM Giang Nam, Phó Giám đốc Công ty TNHH Bất Động sản Vinaland, Chánh văn phòng Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

ÔNG NGUYỄN NGỌC LÂN
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Nguyễn Ngọc Lân tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh của Đại học Griggs.

Ông Nguyễn Ngọc Lân có hơn 19 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Lân từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Giám đốc Bảo Minh Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Giám đốc Công ty Bảo hiểm SVIC Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nguyễn Ngọc Lân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 10 - Đông Bắc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



BÀ LÊ THANH HẰNG
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Bà Lê Thanh Hằng tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh điều hành của UBI.

Bà Lê Thanh Hằng có trên 27 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Bà từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Phó Phòng hàng hải, Trưởng phòng hàng hải, Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải – Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng, Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Ngoài ra, Bà Hằng đang là Giảng viên thỉnh giảng của trường Đại học Kinh tế TP HCM.

Hiện nay, Bà Lê Thanh Hằng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 5 – Tây Nguyên kiêm Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



ÔNG HÀ HOÀNG GIANG
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Hà Hoàng Giang tốt nghiệp Kỹ sư ngành Máy Tàu thủy – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Ông Hà Hoàng Giang có hơn 29 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông làm việc tại Công ty Vận tải biển Khánh Hòa, Công ty Bảo hiểm PJICO, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Kỹ sư máy tàu viễn dương, Trưởng phòng Khu vực, Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hải, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Ông Hà Hoàng Giang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Trưởng Ban khai thác Dự án lớn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG MAI XUÂN THẢO

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Mai Xuân Thảo tốt nghiệp Trường Đại học Thương nghiệp chuyên ngành Kinh tế - kỹ thuật.

Ông Mai Xuân Thảo có hơn 32 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ tại Bảo Long: Trưởng phòng bảo hiểm - Bảo Long Gia Định, Giám đốc Bảo hiểm Bảo Long Gia Định - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Mai Xuân Thảo giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Bảo hiểm Bảo Long Gia Định thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

BÀ NGUYỄN THÚY HẰNG

Giám Đốc Khối Hỗ trợ
kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thúy Hằng tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh trường Đại học Tài chính – Marketing.

Bà Nguyễn Thúy Hằng từng đảm nhiệm vị trí Phó phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà Hằng đang giữ chức vụ Giám đốc Khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2024

Năm 2024 là năm thứ 2 Bảo Long triển khai chiến lược kinh doanh giai đoạn 2023 - 2027. Trong bối cảnh rủi ro kinh tế chính trị toàn cầu vẫn tăng cao, nền kinh tế trong nước chưa có những dấu hiệu phục hồi chưa rõ ràng, Bảo Long sẽ tiếp tục tập trung vào các vấn đề cốt lõi ưu tiên sự ổn định hệ thống và an toàn hoạt động

Các mục tiêu của năm 2024 phù hợp với chiến lược phát triển của giai đoạn với ba ưu tiên chiến lược: **(1) Công nghệ hóa, (2) Năng lực hoạt động, (3) Văn hóa và thương hiệu.**



Công nghệ hóa

Tận dụng và chọn lọc các xu hướng công nghệ mới để tạo sự thay đổi bứt phá về vị thế trên thị trường, hiệu quả hoạt động và uy tín thương hiệu đối với khách hàng.



Năng lực hoạt động

Đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh bền vững và hiệu quả, có khả năng chống chịu với môi trường kinh doanh biến động và rủi ro cao.



Văn hóa và thương hiệu

Tập trung vào vấn đề văn hóa, lấy con người làm trọng tâm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, từ đó xây dựng hình ảnh "mỗi cá nhân là một đại sứ thương hiệu", mỗi trải nghiệm với khách hàng đều là một câu chuyện truyền thông.



MỤC TIÊU NĂM 2024

01

Giữ an toàn thành khoản, kiểm soát tốt rủi ro, duy trì hiệu quả hoạt động;

02

Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao năng lực nhân sự và sự gắn kết trong toàn hệ thống.

RỦI RO VÀ QUẢN LÝ RỦI RO



Tiếp tục duy trì triển khai khung quản trị rủi ro doanh nghiệp vừa giúp doanh nghiệp tạo dựng được một công cụ hiệu quả vừa tạo thêm giá trị mới và bảo toàn giá trị cho doanh nghiệp.

Trước sự xuất hiện của các rủi ro ngày càng đa dạng, để đảm bảo việc vận hành hệ thống một cách hiệu quả và an toàn. Bảo Long đã và đang thực hiện cải tiến ở tất cả các khâu trong quá trình hoạt động kinh doanh và bồi thường. Các biện pháp cụ thể như nhận dạng, phân loại, đánh giá rủi ro trong việc khai thác, giám định và chi trả tiền bồi thường bảo hiểm nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa quản lý rủi ro và tốc độ tăng trưởng bền vững.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót do con người, do các hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài tác động đến hoạt động kinh doanh của Bảo Long.

RỦI RO BẢO HIỂM

Rủi ro bảo hiểm là các rủi ro phát sinh do biến động các yếu tố kỹ thuật liên quan đến tính phí bảo hiểm và trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện được bảo hiểm.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính là các rủi ro liên quan đến các hoạt động nhượng tái bảo hiểm, do chính sách tái bảo hiểm không phù hợp để bảo vệ an toàn tài chính cho Bảo Long, các rủi ro liên quan đến việc đối tác không thực hiện được các cam kết thanh toán đối với các hoạt động đầu tư và hoạt động tái bảo hiểm của Bảo Long.

Các rủi ro tài chính khác do các chính sách tài chính ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh Bảo Long.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là các rủi ro liên quan đến biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, hiệu quả đầu tư trên thị trường của Bảo Long.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro chiến lược là rủi ro phát sinh do chiến lược hoặc mục tiêu kinh doanh của Bảo Long không phù hợp với lợi ích lâu dài của Cổ đông hoặc không ứng phó kịp thời trước sự thay đổi của môi trường kinh doanh.

RỦI RO KHÁC

Là các rủi ro khác không nằm trong các loại rủi ro nêu trên. Ví dụ: Rủi ro thương hiệu, rủi ro dịch bệnh...

Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động kinh doanh chính yếu của Bảo Long và trong quá trình đó Bảo Long có thể gặp phải các rủi ro như: rủi ro về thiết kế, phát triển và quản lý sản phẩm, rủi ro về thẩm định và cấp đơn bảo hiểm, rủi ro về giám định bồi thường, rủi ro về giá, ... Để hạn chế rủi ro, Bảo Long luôn chủ động tăng cường hoạt động đánh giá rủi ro cũng như rà soát các điều kiện chấp nhận bảo hiểm có mức độ tác động nhỏ thông qua việc duy trì và phát triển kênh bán lẻ, kênh Bancassurance, hướng đến Khách hàng cá nhân; hạn chế các rủi ro thuộc nhóm có nguy cơ cao, tăng cường đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro bảo hiểm mới, phân loại các rủi ro bảo hiểm, chia sẻ các rủi ro có mức độ tác động lớn thông qua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ nhằm tối đa hóa các lợi ích cũng như hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ Cán bộ nhân viên, ...

02

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2023 & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2024

- 46 Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023
- 50 Báo cáo tình hình triển khai các giải pháp kinh doanh năm 2023
- 54 Kế hoạch hoạt động và Giải pháp kinh doanh 2024
- 58 Nguồn Nhân lực và Đào tạo

Vươn lên trong THÁCH THỨC

Năm 2023, là năm bản lề trong kế hoạch 5 năm định hướng phát triển Bảo Long lên tầm cao mới với những giá trị mới. Qua đó hiện thực hoá mục tiêu đưa Bảo Long vào Top đầu Công ty bảo hiểm Phi nhân thọ uy tín và lớn nhất Việt Nam.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

Trong năm 2023, đối mặt với nhiều thách thức về suy thoái kinh tế và sự thay đổi về mặt tiêu dùng trên thị trường, Bảo Long đã vượt qua rất nhiều khó khăn để giữ vững vị thế cũng như sự ổn định trên toàn hệ thống kinh doanh, đổi mới và xây dựng nền tảng vững chắc và nhận được những kết quả đáng ghi nhận.

Bảo Long bắt đầu triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 2023-2027, với ba ưu tiên chiến lược: **(1) Công nghệ hóa, (2) Năng lực hoạt động, (3) Văn hóa và thương hiệu.**

Đối mặt với rất nhiều thử thách vì nền kinh tế toàn cầu đang ở giai đoạn suy thoái, tuy nhiên, sự thay đổi về các chính sách cũng như định hướng kinh doanh, phát triển theo nhu cầu thị trường, Bảo Long đã ghi ghi nhận những thành quả khả quan.

Cùng với những ưu tiên chiến lược được triển khai, hệ thống kinh doanh với các đơn vị thành viên và phòng kinh doanh cũng như hệ thống Công Nghệ thông tin được giữ vững, mở rộng và nâng cấp, các CBNV được ưu tiên tập trung phát triển năng lực và tư duy, tập trung xây dựng văn hóa thương hiệu cũng như chuyển giao công nghệ hóa. Chính vì lẽ đó, Bảo Long luôn giữ vững được sự ổn định và khắc phục được những khó khăn mà thị trường bảo hiểm phải đối mặt.



(Triệu đồng)

TỔNG DOANH THU
PHÍ BẢO HIỂM NĂM 2023

1.520.822

tăng 94% so với năm 2022



(Triệu đồng)

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
NĂM 2023

111.019

tăng 111% so với năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

1.521

(tỷ đồng)

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM
NĂM 2023

111

(tỷ đồng)

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
NĂM 2023

2.329

(tỷ đồng)

TỔNG TÀI SẢN
NĂM 2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	KH 2023 Triệu đồng	TH 2023 Triệu đồng	HTKH %
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM			
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.610.000	1.520.822	94%
- Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.351.134	1.285.142	
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	258.866	235.680	91%
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH			
- Doanh thu	128.900	122.542	
- Chi phí	25.000	2.700	
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	103.900	119.843	115%
Thu nhập từ hoạt động khác	0	239	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	263.086	244.743	
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	99.680	111.019	111%

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	KH 2023 Triệu đồng	TH 2023 Triệu đồng	HTKH %
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	849.714	786.487	93%
Vốn chủ sở hữu	827.711	836.905	101%
Danh mục đầu tư	1.390.000	1.439.482	104%
Tổng tài sản	2.602.365	2.328.999	89%

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2023 là năm đầu tiên Bảo Long triển khai 5 nhóm giải pháp chiến lược trong chiến lược kinh doanh giai đoạn 5 năm, từ năm 2023 đến năm 2027. Tại mỗi giải pháp toàn hệ thống đều nỗ lực để hoàn thành những mục tiêu cụ thể đã đề ra.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2023



HIỆU SUẤT

- ☆ Từng bước hoàn thiện hệ thống bảo hiểm số Megamind: hoàn thành giai đoạn 2 cho sản phẩm con người, tiếp tục thực hiện giai đoạn 3 cho sản phẩm tài sản - kĩ thuật - hàng hóa và phân hệ tái bảo hiểm.
- ☆ Triển khai "Xây dựng bổ sung phân hệ bán hàng qua giao thức API" nhằm hỗ trợ kết nối với các hệ thống của đối tác bên ngoài, "Nền tảng phân phối sản phẩm Bảo hiểm cá nhân".
- ☆ Điều chỉnh lại vận hành của mô hình tại KV Hà Nội.



CHUYÊN MÔN

- ☆ Luân chuyển cán bộ quản lý giữa TSC và đơn vị, cụ thể trong năm 2023 đã thực hiện luân chuyển các nhân sự của các Ban Nghiệp vụ từ TCT về hỗ trợ tại ĐVTV.
- ☆ Bồi dưỡng đội ngũ nhân sự Phó Giám đốc tại TSC làm nguồn nhân sự kế thừa thông qua việc cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo chuyên môn bên ngoài, hoàn thiện các chứng chỉ chuyên môn theo quy định của Bộ Tài chính.



CẢI TIẾN SÁNG TẠO

- ☆ Triển khai mô hình trung tâm kinh doanh: phát triển 03 Trung tâm Kinh doanh với đội ngũ nhân sự ban đầu phù hợp với doanh thu đăng ký.
- ☆ Ban hành chính sách thu hút/ tuyển dụng HR chất lượng cao để phát huy network của toàn hệ thống trong công tác tuyển dụng.
- ☆ Kiểm toán Nhân sự: hoàn thành kiểm toán 10 ĐVTV trong năm 2023.



KPI

- ☆ Đã xây dựng tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh và sẽ áp dụng cho toàn hệ thống trong thời gian tới;
- ☆ Đã xây dựng Quy định về mô hình vận hành, quy mô tối thiểu, định biên năng suất cho các Đơn vị kinh doanh và sẽ áp dụng cho toàn hệ thống trong thời gian tới.



GẮN KẾT

- ☆ Mở rộng đối tượng được trả lương từ nguồn lương TCT (phó giám đốc, nhân sự chất lượng cao) kèm theo KPI hoạt động.
- ☆ Tăng cường các hoạt động liên kết: Tổ chức "Hội nghị lãnh đạo tiềm năng" cho đối tượng TBP, PGĐ toàn hệ thống; Triển khai các chương trình hoạt động nội bộ mừng kỷ niệm 28 năm thành lập Bảo Long (Chạy bộ, check in trên Facebook kèm hashtag chương trình tại các điểm du lịch/ địa danh lịch sử nổi tiếng của Việt Nam); Thành lập group zalo của CBNV toàn hệ thống nhằm tăng tính tương tác nội bộ, truyền thông nhanh chóng và kịp thời các chính sách được triển khai.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2023

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

Liên Hiệp Quốc đã đưa ra dự báo nền kinh tế thế giới năm 2024 gặp nhiều thách thức như sự sụt giảm của thương mại toàn cầu; tình trạng lạm phát, lãi suất và nợ công cao. Ngoài ra, các thảm họa khí hậu, dịch bệnh ngày càng gia tăng cũng sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế xã hội.

Căng thẳng chính trị tăng cao gây rủi ro đáng kể trong ngắn hạn đối với hoạt động kinh tế và lạm phát, đặc biệt nếu xung đột tại Trung Đông, chiến sự Nga - Ukraine gây gián đoạn thị trường năng lượng. Nếu xung đột lan rộng hoặc leo thang làm tăng nguy cơ tắc nghẽn nguồn cung và đẩy giá năng lượng tăng.

Tuy nhiên việc kinh tế toàn cầu đã tránh được một đợt suy thoái mới, cùng với đó là những tín hiệu lạc quan trong hoạt động kinh tế đang thúc đẩy niềm tin về một triển vọng kinh tế toàn cầu tươi sáng và khả năng phục hồi đáng kể vào năm 2024. Thị trường lao động có dấu hiệu khởi sắc, chi tiêu toàn cầu bắt đầu tăng, tỷ lệ thất nghiệp tại phần lớn các nền kinh tế hàng đầu đang ở mức thấp hơn khoảng 0,5 % so với năm trước. Xu hướng lạm phát hạ nhiệt ở nhiều quốc gia trên thế giới đang thúc đẩy các ngân hàng trung ương giảm lãi suất.

Với những nhận định trên, nền kinh tế thế giới được dự báo năm 2024 sẽ tăng trưởng ở mức 2,7% (theo OECD - cập nhật ngày 29 tháng 11 năm 2023).

NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Cùng với kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam năm 2024 được các tổ chức quốc tế dự báo sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức khi điều kiện tài chính, xuất nhập khẩu trở nên khó khăn, ảnh hưởng tới tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp.

Về nguồn vốn, sức ép lạm phát còn lớn và mặt bằng lãi suất cho vay mặc dù đã giảm, nhưng năng lực hấp thụ vốn nền kinh tế vẫn ở mức thấp. Nhiều doanh nghiệp có nhu cầu vay nhưng chưa đáp ứng đủ điều kiện vay, ngoài ra, các ngân hàng còn thận trọng trong việc thực hiện cấp tín dụng, xét duyệt vay do lo ngại nợ xấu tăng. Bên cạnh đó, việc huy động vốn qua cổ phiếu, trái phiếu... chưa đạt kỳ vọng; những khó khăn trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản... chưa được giải quyết triệt để.

Về đầu tư công, đây được xem là động lực tăng trưởng hàng đầu trong năm 2024 thì lại gặp rất nhiều vướng mắc trong công tác phân bổ nguồn vốn, thủ tục hành chính để phê duyệt các dự án, tiến độ giải phóng mặt bằng đối với các dự án trọng điểm quốc gia.

Về xuất nhập khẩu, năm 2024 cũng sẽ là một năm khó khăn đối với thị trường xuất nhập khẩu Việt Nam vì nhiều nền kinh tế là đối tác lớn của Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật Bản, ASEAN tăng trưởng chậm, dẫn đến tổng cầu khó phục hồi mạnh.

Với những nhận định trên, các tổ chức quốc tế dự báo năm 2024, GDP Việt Nam tăng trưởng ở mức khiêm tốn từ 5-5.5%.

TRIỂN VỌNG NGÀNH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Dù còn tồn tại những vấn đề, thách thức, nhưng thị trường bảo hiểm Việt Nam cũng đã có nhiều bước tiến đáng ghi nhận, đóng góp đáng kể vào sự phát triển chung của kinh tế đất nước. Năm 2024, thị trường được kỳ vọng phát triển theo hướng chất lượng, lành mạnh và bền vững hơn, không còn quá tập trung vào cuộc đua thị phần mà xoay trục sang tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

Sau một năm 2023 với tốc độ tăng trưởng âm, cơ quan quản lý đã đặt mục tiêu tăng trưởng khá lạc quan cho thị trường bảo hiểm năm 2024 (toàn thị trường tăng trưởng 7,2%, phi nhân thọ tăng trưởng 12%, nhân thọ tăng trưởng 5%), tuy nhiên theo nhận định của nhiều chuyên gia đây sẽ là kế hoạch đầy thách thức khi thị trường bảo hiểm vẫn còn phải đối mặt với những ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới và trong nước.

Khung khổ pháp lý mới cơ bản đã được hoàn thiện, kết hợp với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý sẽ tạo nền tảng cho sự phát triển an toàn, ổn định và bền vững của thị trường bảo hiểm trong thời gian tới. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp bảo hiểm vẫn còn gặp nhiều khó khăn để đáp ứng và thay đổi theo các quy định mới, đặc biệt là các quy định về quản lý đại lý bảo hiểm.

Doanh thu qua kênh bancassurance dự báo tiếp tục sụt giảm khi cuộc khủng hoảng niềm tin của người tiêu dùng vẫn còn hiện hữu. Ngoài ra, doanh thu của bảo hiểm phi nhân thọ phụ thuộc lớn vào tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và xu hướng chi tiêu của người tiêu dùng, vì vậy khi kinh tế khó khăn, doanh thu từ các nghiệp vụ bảo hiểm bán lẻ như xe cơ giới, con người và doanh thu từ các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại như tài sản, hàng hải sẽ đều chịu ảnh hưởng theo chiều hướng tiêu cực.

Ngoài khó khăn ở mảng kinh doanh bảo hiểm thì xu hướng lãi suất giảm cũng sẽ tác động tới lợi nhuận của các doanh nghiệp bảo hiểm trong thời gian tới khi phần lớn lợi nhuận hoạt động tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đến từ kênh tiền gửi ngân hàng.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024, Bảo Long triển khai 5 nhóm giải pháp trong chiến lược kinh doanh giai đoạn 5 năm 2023 - 2027.

HIỆU SUẤT

- 1 Hoàn thiện Hệ thống Megamind: giai đoạn 3 cho sản phẩm tài sản - kĩ thuật - hàng hóa và phân hệ tái bảo hiểm.
- 2 Hoàn thành việc xây dựng "Phân hệ bán hàng qua giao thức API", "Nền tảng" phân phối sản phẩm Bảo hiểm cá nhân" và đưa vào sử dụng.
- 3 Tiếp tục rà soát lại mô hình vận hành tại các đơn vị thành viên và chức năng quản lý ngành dọc.
- 4 Tuyển dụng các đội ngũ kinh doanh có quy mô lớn, thành lập thêm TTKD

CHUYÊN MÔN

- 1 Luân chuyển cán bộ quản lý nghiệp vụ giữa trụ sở chính và đơn vị thành viên.
- 2 Triển khai đào tạo "Kỹ năng đào tạo" cho nhân sự quản lý nghiệp vụ.

CẢI TIẾN SÁNG TẠO

- 1 Tái cấu trúc lại chương trình tái bảo hiểm, nâng cao năng lực tái bảo hiểm và hiệu quả hoạt động.

KPI

- 1 Áp dụng tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh cho toàn hệ thống.
- 2 Thực hiện Quy định về mô hình vận hành, quy mô tối thiểu, định biên năng suất cho các Đơn vị kinh doanh.

GẮN KẾT

- 1 Triển khai các chương trình hướng đến chuỗi hoạt động kỷ niệm Bảo Long 30 năm - kế hoạch trọng tâm để truyền thông nội bộ, tạo sự gắn kết đội ngũ và xây dựng văn hóa doanh nghiệp

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2024, Bảo Long đưa ra mục tiêu đạt tổng Doanh thu phí bảo hiểm 1.530 tỷ đồng, tăng 1% so với 2023.

Vốn chủ sở hữu tăng 7,7% ước tính đạt mức 901,7 tỷ đồng. Qua đó Tổng tài sản lần đầu đạt 2.350 tỷ đồng, tăng 0,9%.



KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 2024

Chỉ tiêu	TH 2023 Triệu đồng	KH 2024 Triệu đồng	Tăng trưởng %
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.520.822	1.530.000	1%
- Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.285.142	1.277.972	-
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	235.680	252.028	7%
Hoạt động đầu tư tài chính			
- Doanh thu	122.542	77.000	
- Chi phí	2.700	1.300	
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	119.843	75.700	(37%)
Thu nhập từ hoạt động khác	239	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	244.743	246.678	
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	111.019	81.050	(27%)

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	TH 2023 Triệu đồng	KH 2024 Triệu đồng	% Tăng trưởng
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	786.487	774.429	(1,5%)
Vốn chủ sở hữu	836.905	901.744	7,7%
Danh mục đầu tư	1.439.482	1.437.000	(0,2%)
Tổng tài sản	2.328.999	2.350.000	0,9%

NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

29%

NHÂN VIÊN CÓ KINH NGHIỆM BẢO HIỂM TRÊN 10 NĂM



<35

ĐỘ TUỔI TRUNG BÌNH NHÂN VIÊN CỦA BẢO LONG

5

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC NGÀY/TUẦN, 40 GIỜ/TUẦN



TỔNG SỐ NHÂN VIÊN TÍNH ĐẾN THÁNG 12/2023

944

NHÂN VIÊN



80%

LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC



28

NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Bảo Long luôn tin rằng bằng cách tối đa hóa động lực của mỗi nhân viên, Bảo Long có thể gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng và liên tục nâng cao giá trị mang lại cho cổ đông. Bảo Long luôn cố gắng xây dựng môi trường làm việc để mỗi thành viên đều cảm thấy hài lòng với công việc và nuôi trong mình động lực tiếp tục phát triển hơn nữa cùng Bảo Long.



TỔNG SỐ NHÂN VIÊN
(tính đến 31/12/2023)

944

Nhân viên



LAO ĐỘNG CÓ
KINH NGHIỆM
BẢO HIỂM
TRÊN 10 NĂM

29%



LAO ĐỘNG CÓ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
VÀ SAU ĐẠI HỌC

80%

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Xây dựng được một nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, trình độ chuyên môn cao và đủ khả năng thích ứng với những biến đổi liên tục của môi trường cạnh tranh khốc liệt. Mỗi cá nhân tại Bảo Long được bồi dưỡng, tạo cơ hội để được thử sức và phát huy tài năng trong một môi trường đoàn kết, gắn bó cùng chung một mục tiêu. Đặc biệt, tập trung phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi với kinh nghiệm lâu năm tại Bảo Long. Bảo Long luôn cố gắng tạo cho đội ngũ của mình một môi trường làm việc trung thực, cởi mở và là nơi nuôi dưỡng tài năng, khuyến khích sự đổi mới, chế độ đãi ngộ tương xứng và truyền tải sự tự hào và quyền sở hữu trong Công ty.

CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Tính đến hết tháng 31/12/2023, số lượng nhân sự Bảo Long đạt 944 người, các Khối Kinh doanh chiếm 63% toàn nguồn lực Bảo Long. Xét về trình độ học vấn, nhân sự có trình độ đại học và sau đại học chiếm 80%. Xét về độ tuổi, lực lượng lao động Bảo Long ngày càng được trẻ hóa (60% nhân sự có độ tuổi dưới 40), được đào tạo bài bản và sẵn sàng cọ xát để tích lũy thêm kinh nghiệm. Ngoài ra đội ngũ nhân viên lao động có kinh nghiệm bảo hiểm trên 10 năm chiếm 29%. Đội ngũ Bảo Long không ngừng cập nhật các kiến thức, thông tin mới để tạo nền tảng vững chắc giúp Công ty mang lại những giá trị gia tăng hiệu quả cho Khách hàng.

Chế độ lương, thưởng của Bảo Long cạnh tranh, gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc của mỗi cá nhân khi thực hiện công việc. Bên cạnh đó, Bảo Long cũng duy trì và nâng cao quyền lợi các chính sách phúc lợi như: chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV, tổ chức cho CBNV nghỉ mát hàng năm, trang bị bảo hiểm kết hợp sức khỏe và tai nạn, bảo hiểm xe máy cho CBNV hàng năm, tặng quà hiện kim cho CBNV nhân ngày sinh nhật, các ngày Lễ trong năm...

03

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 64 Quản trị Doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững
- 66 Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan
- 68 Trách nhiệm với môi trường

Gắn kết sẻ chia **CÙNG CỘNG ĐỒNG**

Luôn hướng đến xã hội và sẻ chia cùng cộng đồng, tập thể cán bộ nhân viên quyết tâm nỗ lực hết mình thông qua hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội. Qua đó chung tay góp phần đưa Bảo Long ngày một tiến xa và nỗ lực mang lại nhiều giá trị tốt đẹp hơn nữa cho cộng đồng và cho xã hội, tạo dựng tương lai vững bền.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUẢN TRỊ CÔNG TY LÀ NỀN TẢNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP

Để nâng cao hiệu quả và cải tiến các hoạt động kinh doanh, Công ty đã điều chỉnh các mô hình và chiến lược kinh doanh dựa trên kế hoạch 5 năm tài chính mới, đồng thời nghiêm ngặt tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, tiếp tục kiện toàn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý, điều hành, phân cấp, ủy quyền và các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát.

Từ cột mốc năm 2023 đánh dấu chặng đường 28 năm hoạt động của Bảo Long. Để nâng cao hiệu quả và cải tiến các hoạt động kinh doanh, Công ty đã điều chỉnh các mô hình và chiến lược kinh doanh dựa trên kế hoạch 5 năm tài chính mới, đồng thời nghiêm ngặt tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, tiếp tục kiện toàn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý, điều hành, phân cấp, ủy quyền và các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát. Song song đó, Bảo Long cũng đã ban hành một hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của Cổ đông và hài hòa với lợi ích của Khách hàng, Người Lao động và Cộng đồng.

Là một Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ lâu năm, để củng cố và tạo dựng một nền văn hóa thương hiệu và một đội ngũ gắn kết, Ban Lãnh Đạo Công ty đã đưa ra các quyết sách dành cho nội bộ mới với nhiều nội dung tập trung phát triển các phúc lợi và đào tạo chuyên sâu cho CBNV. Chính vì lẽ đó, tập thể CBNV Bảo Long quyết tâm nỗ lực hết mình để chung tay góp phần đưa Bảo Long ngày một tiến xa, tạo nên nhiều sự bứt phá ngoạn mục và mang lại nhiều giá trị tốt đẹp hơn nữa cho cộng đồng và cho xã hội.



ESG

XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Bảo Long luôn tuân thủ nghiêm ngặt việc kiểm soát toàn hệ thống hoạt động theo các quy định của pháp luật.

Bảo Long luôn hoạt động trên tôn chỉ tuân thủ quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng các cơ hội trao đổi hợp tác giữa Bảo Long và các Cơ quan ban ngành sẽ hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững. Bảo Long đã, đang và sẽ thường xuyên cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến thông qua Hiệp Hội Bảo Hiểm; cử Cán bộ nhân viên tham gia các Hội thảo chuyên ngành về bảo hiểm, Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, pháp luật bảo hiểm của Nhà nước,... để tăng cường trao đổi cũng như đưa ra những ý kiến đóng góp mang tính thiết thực và hỗ trợ cho sự phát triển của Bảo Long nói riêng và của toàn ngành bảo hiểm nói chung.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng mối quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư dựa trên niềm tin, uy tín đảm bảo tối đa giá trị và lợi ích.

Năm 2023, Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng Thương hiệu uy tín đi đôi với việc tạo dựng niềm tin bền vững với Nhà đầu tư, Cổ đông:

PHÁT TRIỂN HIỆU QUẢ, GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN

- ☆ Thực hiện Quản trị Công ty tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- ☆ Bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản, bao gồm Tài sản hữu hình và Tài sản vô hình của Doanh nghiệp, qua đó gia tăng giá trị Cổ đông.

TẠO DỰNG KÊNH TRUYỀN THÔNG, ĐỐI THOẠI MỞ

- ☆ Tạo lập và duy trì các kênh thông tin hiệu quả cho Nhà đầu tư, Cổ đông có thể tiếp cận dễ dàng. Nâng cao các kênh đối thoại mở và liên tục với các bên liên quan để chuyển tải hiệu quả, kịp thời các chiến lược mang lại giá trị cho Nhà đầu tư, Cổ đông.

MINH BẠCH THÔNG TIN TÀI CHÍNH

- ☆ Minh bạch số liệu tài chính, hiệu quả kinh doanh tạo nguồn thông tin chính xác cho các Nhà đầu tư, Cổ đông có nhu cầu đầu tư vào Bảo Long. Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Với phương châm “Đồng hành, Đồng chia sẻ” Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các khách hàng.

Bảo Long cam kết mang đến cho Khách hàng những sản phẩm phù hợp và dịch vụ nhanh chóng, kịp thời thông qua hệ thống phân phối đa dạng, trải rộng như qua kênh Bancassurance, kênh Môi giới, Mobilassurance... Đặc biệt là dịch vụ bồi thường nhanh chóng, tiện ích và chính xác. Ngoài ra, Bảo Long liên tục nâng cấp mạng lưới chăm sóc Khách hàng và Trung tâm chăm sóc Khách hàng tập trung (call center) hỗ trợ 24/7. Với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các dịch vụ sau khi xảy ra tổn thất cần được giải quyết nhanh chóng để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Khách hàng. Đến nay, Bảo Long đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống Giám định ngành dọc và đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn rà soát và cải tiến các quy trình giám định - bồi thường theo hướng nhanh gọn và hiệu quả, nhằm giảm bớt thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

“Con người là tài sản vô giá”, góp phần hiệu quả vào kết quả kinh doanh của Bảo Long.

Đối với Bảo Long, “Con người là tài sản vô giá”. Chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Bảo Long luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh, để tập thể cán bộ nhân viên Bảo Long phát huy hết khả năng, góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động kinh doanh của Bảo Long. Bảo Long cam kết đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho Người Lao động theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước, cũng như xây dựng một môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp lành mạnh.

Hơn thế nữa, cùng với chính sách mới và mục tiêu kế hoạch 5 năm tài chính đã đề ra, Bảo Long tập trung xây dựng phát triển nguồn lực con người thông qua các hoạt động nội bộ để tạo nên một văn hóa thương hiệu và một đội ngũ có chuyên môn cao, có ứng xử đẹp.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

Các hoạt động kinh doanh của bảo long trong lĩnh vực phi nhân thọ không có tác động đáng kể đến môi trường. Trong quá trình 28 năm hoạt động, Bảo Long luôn quan tâm đến công tác quản lý vận hành các tòa nhà: an ninh trật tự, bảo trì hệ thống kỹ thuật, bảo trì cơ sở vật chất, quản lý việc thu gom rác, quản lý môi trường không khí xung quanh, nhằm tạo không gian làm việc hoàn hảo cho nhân viên và cam kết chung tay với cộng đồng để xây dựng một môi trường xanh sạch, an toàn và bền vững.



TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

Vấn đề năng lượng và tiết kiệm năng lượng luôn được đặc biệt chú trọng. Bảo Long có chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, nước, sử dụng các thiết bị điện thông minh ít tổn năng lượng nhằm hạn chế khí thải và giảm thiểu tối đa các trường hợp tai nạn do điện gây ra.

GIẢI PHÁP TIÊU THỤ ĐIỆN HIỆU QUẢ

- ☆ Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- ☆ Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27°C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà...
- ☆ Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h, ngắt các thiết bị điện không sử dụng sau khi tan làm.
- ☆ Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...).
- ☆ Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...).

CHẤT THẢI RẮN

Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong Công ty. Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả...

GIẢI PHÁP XỬ LÝ

- ☆ Tại mỗi tầng của tòa nhà, Bảo Long đều trang bị cá thùng đựng rác để thu gom rác.
- ☆ Hàng ngày, nhân viên vệ sinh Công ty dọn dẹp trong từng phòng và quét dọn hành lang, bãi xe và khu vực xung quanh tòa nhà.
- ☆ Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa công ty.

GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- ☆ Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in tài liệu.
- ☆ Tái sử dụng văn phòng phẩm có nguồn gốc từ khai thác tài nguyên như: sử dụng giấy 1 mặt để in các tài liệu tham khảo, sử dụng bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa đã qua sử dụng,...

CHẤT THẢI KHÍ

Chất thải khí phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông:

- ☆ Các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.
- ☆ Các phương tiện tham gia giao thông.
- ☆ Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động về sức khỏe của nhân viên trong Công ty.

BIỆN PHÁP VÀ QUY TRÌNH XỬ LÝ KỸ THUẬT

- ☆ Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- ☆ Tắt máy xe khi đi vào Công ty.
- ☆ Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại Bảo Long.
- ☆ Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà Công ty.
- ☆ Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.

GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- ☆ Bảo Long luôn bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc để bảo vệ sức khỏe của Người lao động.

ỨNG DỤNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG

Sử dụng phần mềm quản lý văn bản trực tuyến và hệ thống tạo điều kiện cho các đơn vị trên toàn hệ thống cập nhật liên tục các văn bản, chính sách từ Bảo Long. Đồng thời đưa vào vận hành hệ thống core Megamind, đầu tiên áp dụng cho bộ phận phục vụ cho Bảo hiểm Con Người, giúp kiểm soát và quản lý dữ liệu kinh doanh tốt hơn và nhanh chóng hơn. Điều này vừa giúp tiết kiệm chi phí in ấn, bảo vệ môi trường và chi phí chuyển phát nhanh qua đường bưu điện, vừa phục vụ khách hàng một cách nhanh nhất. Khách hàng và nhân viên dễ dàng kiểm tra thông tin cũng như truy cập tính năng bằng các thiết bị thông minh một cách tiện lợi. Tăng cường sử dụng cấu trúc truyền hình và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để tổ chức các cuộc họp giữa các Đơn vị trong hệ thống nhằm tiết kiệm chi phí đi lại.



04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Kiến tạo

GIÁ TRỊ TƯƠNG LAI

Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến khó lường và ẩn chứa nhiều bất ổn. Bằng nhiều giải pháp linh hoạt, Bảo Long vẫn ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan. Minh chứng cho chiến lược và tầm nhìn đúng đắn của BLĐ Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

- 72 Thông tin về Tổng Công ty
- 73 Báo cáo của Ban Điều hành
- 74 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 76 Bảng cân đối kế toán
- 80 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 83 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 85 Thuyết minh báo cáo tài chính

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY**

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	1529/GP-UB ngày 11 tháng 7 năm 1995 Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH ngày 9 tháng 6 năm 2017. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong vòng 99 năm kể từ ngày 11 tháng 7 năm 1995.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	059614 ngày 2 tháng 8 năm 1995 Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thành Long Ông Phan Quốc Dũng	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thường trực (từ ngày 6 tháng 1 năm 2023)
	Ông Nguyễn Văn Hùng Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch (đến ngày 6 tháng 1 năm 2023)
	Ông Trương Khánh Hoàng	Phó Chủ tịch (đến ngày 6 tháng 1 năm 2023)
	Bà Phạm Minh Châm Ông Hoàng Minh Hoàn	Thành viên Thành viên (từ ngày 6 tháng 1 năm 2023 đến ngày 2 tháng 2 năm 2024)
	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên (từ ngày 6 tháng 1 năm 2023 đến ngày 2 tháng 2 năm 2024)
	Ông Lại Quốc Phong	Thành viên (từ ngày 6 tháng 1 năm 2023)
	Ông Phan Quốc Dũng	Thành viên (đến ngày 25 tháng 3 năm 2022)
Ban Điều hành	Ông Phan Quốc Dũng Bà Phạm Minh Châm	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Tài chính
	Ông Hà Minh Hiếu Bà Nguyễn Thúy Hằng	Kế toán trưởng Giám đốc khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng HĐQT
Ban Kiểm soát	Bà Lê Thị Thanh Bình Bà Nguyễn Thị Tường Vy Ông Võ Hoàng Duy Trinh Ông Tôn Thất Diên Khoa	Trưởng ban Thành viên Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	185 Điện Biên Phủ Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

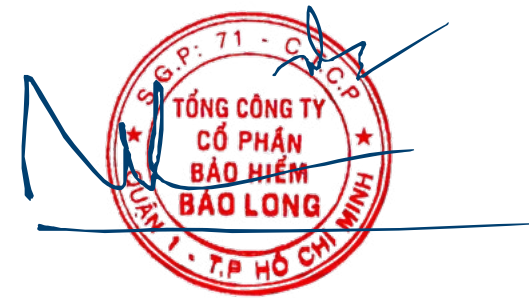
Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Tổng Công ty:

- báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 63 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Phan Quốc Dũng

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, ngày 19 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wash Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 63.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00412-24-1



Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DNPNT(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	100		1.969.449.538.810	2.315.615.627.929
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	572.229.256.976	643.386.774.379
Tiền	111		87.229.256.976	274.751.537.174
Các khoản tương đương tiền	112		485.000.000.000	368.635.237.205
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		758.024.683.413	803.766.567.758
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	24.788.437.000	60.414.366.344
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(3.603.080.400)	(12.352.954.630)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	705.513.671.233	755.705.156.044
Đầu tư ngắn hạn khác	128	6(c)	32.129.179.580	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	6(c)	(803.524.000)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	393.522.181.539	426.328.223.960
Phải thu của khách hàng	131		283.886.435.664	310.600.359.714
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>131.1</i>		<i>283.886.435.664</i>	<i>310.600.359.714</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		144.117.375.323	157.750.134.164
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(34.481.629.448)	(42.022.269.918)
Hàng tồn kho	140		416.267.599	477.745.003
Hàng tồn kho	141		416.267.599	477.745.003
Tài sản ngắn hạn khác	150		50.476.729.284	83.376.640.162
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	50.476.729.284	83.376.640.162
<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	<i>151.1</i>		<i>47.966.527.090</i>	<i>80.717.843.780</i>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	<i>151.2</i>		<i>2.510.202.194</i>	<i>2.658.796.382</i>
Tài sản tái bảo hiểm	190	17(a)	194.780.419.999	358.279.676.667
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		124.368.717.797	196.282.630.081
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		70.411.702.202	161.997.046.586

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		359.549.614.051	207.005.598.431
Các khoản phải thu dài hạn	210		23.977.221.553	12.740.421.990
Phải thu dài hạn khác	218	7	23.977.221.553	12.740.421.990
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	<i>218.1</i>		<i>12.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>218.2</i>		<i>11.977.221.553</i>	<i>740.421.990</i>
Tài sản cố định	220		115.211.502.361	111.893.322.972
Tài sản cố định hữu hình	221	9	17.814.655.623	19.479.650.741
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>45.072.114.092</i>	<i>46.065.356.528</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223</i>		<i>(27.257.458.469)</i>	<i>(26.585.705.787)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	10	76.014.546.416	76.465.802.231
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>86.194.826.627</i>	<i>86.185.826.627</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229</i>		<i>(10.180.280.211)</i>	<i>(9.720.024.396)</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	21.382.300.322	15.947.870.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	182.000.000.000	46.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		183.503.000.000	47.503.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		38.360.890.137	36.371.853.469
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	22.571.202.412	23.128.383.001
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	6.160.053.675	5.220.115.626
Tài sản dài hạn khác	268		9.629.634.050	8.023.354.842
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.328.999.152.861	2.522.621.226.360

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.492.094.426.463	1.774.653.906.137
Nợ ngắn hạn	310		1.488.477.527.130	1.771.027.506.804
Phải trả cho người bán	312		344.422.421.137	347.845.341.967
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	312.1	14	344.422.421.137	347.845.341.967
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	25.751.149.009	26.165.543.198
Phải trả người lao động	315		16.542.308.971	6.141.227.142
Chi phí phải trả	316		20.390.963.551	34.021.717.599
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		12.199.576.634	15.344.795.198
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	16	53.491.314.873	108.250.792.281
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	34.412.594.826	58.895.295.871
Dự phòng nghiệp vụ	329		981.267.198.129	1.174.362.793.548
<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.1	18(a)	575.989.067.455	663.530.871.731
<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.2	18(a)	301.082.566.982	417.763.513.417
<i>Dự phòng dao động lớn</i>	329.3	18(b)	104.195.563.692	93.068.408.400
Nợ dài hạn	330		3.616.899.333	3.626.399.333
Phải trả dài hạn khác	333		180.000.000	180.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn khác	342		3.436.899.333	3.446.399.333
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		836.904.726.398	747.967.320.223
Vốn chủ sở hữu	410	19	836.904.726.398	747.967.320.223
Vốn cổ phần	411		600.000.000.000	600.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(415.994.845)	(415.994.845)
Cổ phiếu quỹ	414		(5.260.000)	(5.260.000)
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		34.225.446.077	29.778.575.768
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		17.750.679.958	13.578.079.395
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		185.349.855.208	105.031.919.905
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.328.999.152.861	2.522.621.226.360

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm – phí bảo hiểm gốc		150.425.876.794	115.739.856.747
Nợ khó đòi đã xử lý		14.184.904.340	14.269.218.702
Ngoại tệ – USD	33(b)	1.053.208	2.026.871

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:


Châu Hậu Doanh Doanh
Người lập

Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng**Phan Quốc Dũng**
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DNPNT(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)**PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

	Mã số	2023 VND	2022 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.257.810.418.444	1.177.438.957.389
Doanh thu hoạt động tài chính	12	122.542.365.599	150.519.250.329
Thu nhập khác	13	766.075.225	195.555.029
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.022.130.605.080	940.404.438.673
Chi phí hoạt động tài chính	22	2.699.581.064	14.243.216.744
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	244.743.208.584	262.839.158.897
Chi phí khác	24	526.855.312	551.496.613
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 – 20 – 22 – 23 – 24)	50	111.018.609.228	110.115.451.820
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23.021.141.102	21.408.195.119
Chi phí / (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	(939.938.049)	863.034.329
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60	88.937.406.175	87.844.222.372
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.413	1.401

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	01		1.608.363.421.452	1.587.789.905.788
Trong đó:				
– Phí bảo hiểm gốc	01.1	20(a)	1.262.966.824.585	1.360.904.710.589
– Phí nhận tái bảo hiểm	01.2	20(b)	257.854.792.591	247.587.691.386
– (Giảm)/tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	17(a)(ii)	(87.541.804.276)	20.702.496.187
Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	02		480.020.000.262	566.925.828.756
Trong đó:				
– Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1	02	408.106.087.978	550.524.073.243
– (Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	17(a)(ii)	(71.913.912.284)	(16.401.755.513)
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)	03		1.128.343.421.190	1.020.864.077.032
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		129.466.997.254	156.574.880.357
Trong đó:				
– Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	22	122.884.492.491	154.126.995.599
– Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		6.582.504.763	2.447.884.758
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		1.257.810.418.444	1.177.438.957.389
Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)	11	23	728.480.770.876	559.955.984.713
Trong đó:				
– Tổng chi bồi thường	11.1		737.692.053.654	562.561.144.395
– Các khoản giảm trừ (thu đòi bên thứ ba bồi hoàn và thu hàng đã xử lý bồi thường)	11.2		9.211.282.778	2.605.159.682
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	24	293.916.666.195	202.621.475.801
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	17(a)(i)	(116.680.946.435)	83.680.478.906
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	17(a)(i)	(91.585.344.384)	75.637.430.632
Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)	15		409.468.502.630	365.377.557.186

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)**PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)**

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Tăng dự phòng dao động lớn	16	18b	11.127.155.292	10.579.683.288
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	25	601.534.947.158	564.447.198.199
Trong đó:				
– Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		192.281.534.870	166.578.768.713
– Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		409.253.412.288	397.868.429.486
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		1.022.130.605.080	940.404.438.673
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)	19		235.679.813.364	237.034.518.716
Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	122.542.365.599	150.519.250.329
Chi phí hoạt động tài chính	24	27	2.699.581.064	14.243.216.744
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 – 24)	25		119.842.784.535	136.276.033.585
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	244.743.208.584	262.839.158.897
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 – 26)	30		110.779.389.315	110.471.393.404
Thu nhập khác	31		766.075.225	195.555.029
Chi phí khác	32		526.855.312	551.496.613
(Lỗ)/lãi khác (40 = 31 – 32)	40		239.219.913	(355.941.584)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		111.018.609.228	110.115.451.820
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	23.021.141.102	21.408.195.119
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	29	(939.938.049)	863.034.329
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	40		88.937.406.175	87.844.222.372
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.413	1.401

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:


Châu Hậu Doanh Doanh
Người lập

Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng

Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.570.041.637.895	1.683.343.387.598
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	185.352.466.619	222.952.578.518
Tiền chi			
Tiền chi trả người bán và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.158.522.221.474)	(1.206.668.923.930)
Tiền chi trả người lao động	03	(218.564.478.255)	(197.220.881.514)
Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	05	(24.847.395.119)	(7.574.731.649)
Tiền chi khác từ các hoạt động kinh doanh	07	(399.708.479.153)	(430.557.142.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(46.248.469.487)	64.274.286.814
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.570.400.322)	(7.619.342.864)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22	(1.087.680.334.079)	(21.811.705.916.930)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	23	995.615.294.537	21.711.245.815.293
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.644.356.403	81.107.220.040
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.991.083.461)	(26.972.224.461)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03 – DNPNT**
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(955.904.280)	(70.605.428.587)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(955.904.280)	(70.605.428.587)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(71.195.457.228)	(33.303.366.234)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	643.386.774.379	676.700.501.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	37.939.825	(10.361.241)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	572.229.256.976	643.386.774.379

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:


Châu Hậu Doanh
Người lập

Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng

Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1529/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995 và sau đó được điều chỉnh lần gần đây nhất theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 9 tháng 6 năm 2017.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”) vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là “BLI”.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

(c) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên tại các thành phố và tỉnh thành Việt Nam (31/12/2022: một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 944 nhân viên (31/12/2022: 988 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 (“Thông tư 232”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán áp dụng cho báo cáo tài chính được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN DO THAY ĐỔI QUY ĐỊNH PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Áp dụng Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023

Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) về hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 (“Nghị định 46”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm. Thông tư 67 có hiệu lực từ ngày 2 tháng 11 năm 2023 trừ một số điều có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023. Thông tư 67 thay thế Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 (“Thông tư 50”) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 (“Nghị định 73”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh Doanh Bảo hiểm và các Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50 ngoại trừ một số điều của Thông tư 50 có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 67 từ ngày 2 tháng 11 năm 2023. Không có sự khác biệt trọng yếu nào giữa các quy định về kế toán và báo cáo tài chính có liên quan của Thông tư 67 và các quy định tương ứng của Thông tư 50.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ngoại trừ những thay đổi trong chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3, những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng nhất quán trong các năm được trình bày trong báo cáo tài chính này.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được lập như sau:

Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn được quyết định bởi Ban Điều hành Tổng Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(e) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 4(m)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày báo cáo phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

(f) Ký quỹ bảo hiểm

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2023

Theo quy định của Nghị định 73, Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán của Tổng Công ty bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ được rút toàn bộ khi Tổng Công ty chấm dứt hoạt động.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2023

Theo quy định của Nghị định 46, Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán của Tổng Công ty bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ được rút toàn bộ khi Tổng Công ty chấm dứt hoạt động.

Việc áp dụng các quy định của Nghị định 46 liên quan đến ký quỹ bảo hiểm không có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
• phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
• máy móc và thiết bị	6 – 13 năm
• thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm. Không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNPNT(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(j) Chi phí trả trước dài hạn****(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu gồm chi phí cải tạo, nâng cấp và trang trí văn phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ trên 1 năm đến 3 năm

(k) Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ các khoản dự phòng nghiệp vụ được đề cập tại Thuyết minh 4(m), được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023), Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023) và Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 1 năm 2018 (“Công văn 792”) do Bộ Tài Chính ban hành chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

(i) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ**Dự phòng phí chưa được hưởng**

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với phần rủi ro mà Tổng Công ty phải gánh chịu sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 17 của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023), cụ thể như sau:

- Phương pháp 1/24: phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 17 của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo quy định tại Điều 36 của Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023).

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Công văn 792.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập hàng năm ở mức 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 792.

Dự phòng dao động lớn được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này đạt 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNPNT(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(m) Dự phòng nghiệp vụ****(ii) Dự phòng nghiệp vụ đối với bảo hiểm sức khỏe****Dự phòng toán học**

Dự phòng toán học cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 17 của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023), chi tiết như sau:

- Phương pháp 1/8: Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn). Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Tổng Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó;
- Phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày (1/365): Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một ngày của Tổng Công ty được phân bổ đều cuối ngày hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một ngày cụ thể được giả định là có hiệu lực vào cuối ngày đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 17 của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023), cụ thể như sau:

- Phương pháp 1/24: Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết được trích lập theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 19 của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo quy định tại Điều 36 của Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023).

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Công văn 792.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 792.

Không có sự khác biệt trọng yếu nào giữa các quy định của Thông tư 67 và Thông tư 50 liên quan đến việc trích lập và ghi nhận dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm.

(n) Vốn cổ phần**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Các quỹ**(i) Quỹ dự trữ bắt buộc**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được trích lập cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc này bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Các quỹ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNPNT(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(p) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNPNT(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(q) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023)..

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, cụ thể như sau:

- Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và Tổng Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Khi rủi ro được hủy bỏ và cần hoàn lại phí bảo hiểm, phí bảo hiểm bằng văn bản được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền phí bảo hiểm được hoàn phát sinh, nếu thích hợp.

Không có sự khác biệt trọng yếu nào giữa các quy định của Thông tư 67 và Thông tư 50 liên quan đến việc ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm.

(s) Doanh thu từ các hoạt động đầu tư**(i) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được thông báo khớp lệnh các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(t) Hoạt động tái bảo hiểm**(i) Nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 4(m)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được bản xác nhận thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(e).

(u) Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong một kỳ kế toán dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) thường xuyên được rà soát lại và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(u) Chi phí bồi thường bảo hiểm (tiếp theo)

Các khoản chi phí bồi thường trong năm bao gồm các khoản đã thanh toán trong năm kế toán liên quan đến các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh trong năm đó, các khoản dự phòng cho yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết hoặc các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và các điều chỉnh trong năm hiện tại đối với các khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường phát sinh trong các kỳ trước.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

(v) Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ chi phí khai thác bảo hiểm ngoại trừ chi phí hoa hồng phát sinh từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

(w) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(x) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(y) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hiện tại, Tổng Công ty có một bộ phận hoạt động kinh doanh là hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và hoạt động trên một bộ phận địa lý là Việt Nam

(z) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này

(aa) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà không được phản ánh trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(bb) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm trước

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền mặt	2.046.928.427	2.033.671.320
Tiền gửi ngân hàng	85.182.328.549	272.717.865.854
Các khoản tương đương tiền (i)	485.000.000.000	368.635.237.205
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	572.229.256.976	643.386.774.379

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 7,00% đến 11,48% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 4,40% đến 9,40%).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

Số lượng cổ phiếu	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết				
HPG	-	-	220.000	(3.803.750.000)
QNS	-	-	180.000	(893.910.000)
STB	-	-	210.000	(1.975.000.000)
QTP	-	-	350.000	(1.128.500.000)
TDM	-	-	170.000	-
CTD	-	-	34.700	(1.154.781.730)
PVT	-	-	35.200	-
Cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM				
PEG	199.351	(3.309.226.600)	199.351	(3.010.200.100)
PCF	43.800	(227.190.000)	43.800	(339.756.000)
PND	19.607	(66.663.800)	19.607	(47.056.800)
	4.826.441.000	(3.603.080.400)	40.452.370.344	(12.352.954.630)
				28.099.415.714

Mẫu B 09 – DNPNT(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Số lượng cổ phiếu	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Quý Đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức (trước đây là "Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam")	1.153.173	-	1.153.173	-
	19.961.996.000		19.961.996.000	
	24.788.437.000	(3.603.080.400)	60.414.366.344	(12.352.954.630)
				48.061.411.714

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	12.352.954.630	3.947.452.312
(Hoàn nhập/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27))	(8.749.874.230)	8.405.502.318
Số dư cuối năm	3.603.080.400	12.352.954.630

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (i)	705.513.671.233	730.705.156.044
• Trái phiếu	-	25.000.000.000
	705.513.671.233	755.705.156.044
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (ii)	182.000.000.000	6.000.000.000
• Trái phiếu (iii)	1.503.000.000	41.503.000.000
	183.503.000.000	47.503.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (iv)	(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
	182.000.000.000	46.000.000.000

(c) Đầu tư ngắn hạn khác

	2023 VND	2022 VND
Đầu tư ngắn hạn khác		
• Ủy thác đầu tư (v)	32.129.179.580	-
• Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư ngắn hạn khác (Thuyết minh 27) (vi)	(803.524.000)	-
	31.325.655.580	-

- (i) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 4,27% đến 9,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: từ 4,90% đến 10,50%).
- (ii) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND, có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng mức lãi suất năm từ 5,55% đến 10,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 9,20% đến 11,50%).
- (iii) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam
- (iv) Số dư dự phòng này phản ánh dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam.
- (v) Số dư này phản ánh khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư ký với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công có thời hạn gốc là 12 tháng mà theo đó Tổng Công ty chịu rủi ro đối với các khoản đầu tư thuộc Hợp đồng ủy thác đầu tư này.
- (vi) Số dư dự phòng này phản ánh khoản dự phòng giảm giá của các chứng khoán thuộc Hợp đồng ủy thác đầu tư ký với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

(a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	48.102.857.500	68.577.894.356
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	58.706.604.306	82.423.464.839
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	169.277.102.420	150.894.132.249
Phải thu phí đồng bảo hiểm	7.703.637.061	8.480.155.082
Phải thu khác	96.234.377	224.713.188
	283.886.435.664	310.600.359.714
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(30.026.850.787)	(37.507.491.257)
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm thuần	253.859.584.877	273.092.868.457

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng	61.251.170.839	40.597.276.919
Tạm ứng chi phí kinh doanh	40.112.997.612	44.794.821.810
Tạm ứng bồi thường	31.256.740.216	58.220.796.846
Ký quỹ ngắn hạn	2.991.716.925	1.103.769.460
Phải thu khác	8.504.749.731	13.033.469.129
	144.117.375.323	157.750.134.164
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.454.778.661)	(4.514.778.661)
Phải thu ngắn hạn khác thuần	139.662.596.662	153.235.355.503

(c) Các khoản phải thu dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu dài hạn khác		
• Ký quỹ bảo hiểm (i)	12.000.000.000	12.000.000.000
• Phải thu lãi tiền gửi dài hạn tại ngân hàng	11.977.221.553	740.421.990
	23.977.221.553	12.740.421.990

(i) Tổng Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch và hưởng lãi suất năm là 9,25% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 6,50%).

(d) Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2023			31/12/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu ngắn hạn						
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	33.784.092.363	30.026.850.787	3.757.241.576	39.720.287.009	37.507.491.257	2.212.795.752
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.454.778.661	4.454.778.661	-	4.514.778.661	4.514.778.661	-
	38.238.871.024	34.481.629.448	3.757.241.576	44.235.065.670	42.022.269.918	2.212.795.752
Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:						
Số dư đầu năm						2022 VND
				42.022.269.918	42.022.269.918	42.968.997.505
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)				(7.598.489.832)	(7.598.489.832)	(973.192.587)
Điều chỉnh khác				57.849.362	57.849.362	26.465.000
Số dư cuối năm				34.481.629.448	34.481.629.448	42.022.269.918

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i)	47.966.527.090	80.717.843.780
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.510.202.194	2.658.796.382
	50.476.729.284	83.376.640.162

(i) Biến động chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	80.717.843.780	83.353.873.817
Tăng trong năm	159.530.218.180	163.942.738.676
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 25)	(192.281.534.870)	(166.578.768.713)
Số dư cuối năm	47.966.527.090	80.717.843.780

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Nhà cửa, vật kiến trúc (i) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.887.723.356	46.065.356.528
Tăng trong năm	-	-	-	126.970.000	126.970.000
Xóa sổ	-	(1.120.212.436)	-	-	(1.120.212.436)
Số dư cuối năm	28.971.897.765	7.604.225.652	1.481.297.319	7.014.693.356	45.072.114.092
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.718.273.319	5.542.802.026	1.177.963.803	6.146.666.639	26.585.705.787
Khấu hao trong năm	1.029.797.412	289.417.593	173.333.296	299.416.817	1.791.965.118
Xóa sổ	-	(1.120.212.436)	-	-	(1.120.212.436)
Số dư cuối năm	14.748.070.731	4.712.007.183	1.351.297.099	6.446.083.456	27.257.458.469
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	15.253.624.446	3.181.636.062	303.333.516	741.056.717	19.479.650.741
Số dư cuối năm	14.223.827.034	2.892.218.469	130.000.220	568.609.900	17.814.655.623

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Nhà cửa, vật kiến trúc (i) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.595.486.992	45.773.120.164
Tăng trong năm	-	-	-	292.236.364	292.236.364
Số dư cuối năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.887.723.356	46.065.356.528
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.688.475.907	4.543.362.272	1.004.630.571	5.804.625.425	24.041.094.175
Khấu hao trong năm	1.029.797.412	999.439.754	173.333.232	342.041.214	2.544.611.612
Số dư cuối năm	13.718.273.319	5.542.802.026	1.177.963.803	6.146.666.639	26.585.705.787
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	16.283.421.858	4.181.075.816	476.666.748	790.861.567	21.732.025.989
Số dư cuối năm	15.253.624.446	3.181.636.062	303.333.516	741.056.717	19.479.650.741

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 9.621 triệu VND (31/12/2022: 8.189 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (i) Khoản mục này bao gồm một căn nhà với giá trị còn lại là 4.180.181.819 VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác và Tổng Công ty đã ngừng trích khấu hao cho tài sản này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 16(ii)).

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	81.509.726.627	4.676.100.000	86.185.826.627
Tăng trong năm	-	9.000.000	9.000.000
Số dư cuối năm	81.509.726.627	4.685.100.000	86.194.826.627
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.774.956.727	3.945.067.669	9.720.024.396
Khấu hao trong năm	184.300.656	275.955.159	460.255.815
Số dư cuối năm	5.959.257.383	4.221.022.828	10.180.280.211
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	75.734.769.900	731.032.331	76.465.802.231
Số dư cuối năm	75.550.469.244	464.077.172	76.014.546.416

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	76.902.210.127	4.524.100.000	81.426.310.127
Tăng trong năm	4.607.516.500	152.000.000	4.759.516.500
Số dư cuối năm	81.509.726.627	4.676.100.000	86.185.826.627
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.406.355.409	3.605.940.616	9.012.296.025
Khấu hao trong năm	368.601.318	339.127.053	707.728.371
Số dư cuối năm	5.774.956.727	3.945.067.669	9.720.024.396
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	71.495.854.718	918.159.384	72.414.014.102
Số dư cuối năm	75.734.769.900	731.032.331	76.465.802.231

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 8.607 triệu VND (31/12/2022: 8.607 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (i) Khoản mục này bao gồm một quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.470.585.373 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 9 và Thuyết minh 16(ii)).

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	15.947.870.000	13.228.280.000
Tăng trong năm	5.434.430.322	2.719.590.000
Số dư cuối năm	21.382.300.322	15.947.870.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 1)	10.793.620.322	10.686.800.000
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 2)	4.863.430.000	1.535.820.000
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 3)	3.245.250.000	1.745.250.000
Hệ thống quản lý trực tuyến Fast Business	2.480.000.000	1.980.000.000
	21.382.300.322	15.947.870.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí bảo hiểm cho nhân viên VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	18.942.550.000	972.763.690	2.808.155.607	404.913.704	23.128.383.001
Tăng trong năm	18.859.775.000	1.412.781.711	885.699.162	4.840.487.546	25.998.743.419
Phân bổ trong năm	(18.942.550.000)	(1.298.204.057)	(1.713.299.350)	(4.601.870.601)	(26.555.924.008)
Số dư cuối năm	18.859.775.000	1.087.341.344	1.980.555.419	643.530.649	22.571.202.412

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Thuế suất	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20%	6.160.053.675	5.220.115.626

14. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	235.185.821.864	280.848.599.822
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	37.907.169.492	23.672.690.643
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	51.657.534.242	25.220.412.102
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	16.227.281.269	15.106.248.518
Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc	2.809.546.765	1.549.798.244
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	635.067.505	1.447.592.638
	344.422.421.137	347.845.341.967

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2023 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/ cần trừ VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.932.078.669	46.013.099.821	(46.417.620.123)	7.527.558.367
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.905.839.866	23.021.141.102	(24.847.395.119)	13.079.585.849
Thuế thu nhập cá nhân	2.912.576.825	19.762.529.332	(18.005.154.901)	4.669.951.256
Thuế khác	415.047.838	1.339.957.500	(1.280.951.801)	474.053.537
	26.165.543.198	90.136.727.755	(90.551.121.944)	25.751.149.009

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (i)	6.222.914.527	60.038.383.798
Phải trả khác	14.732.196.122	17.380.959.791
Phải trả cổ tức	9.349.966.452	10.305.870.732
Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (ii)	9.136.363.636	9.136.363.636
Phí bảo hiểm nhận được từ khách hàng không xác định	7.759.625.930	6.567.620.052
Phải trả phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm	3.034.801.953	2.578.555.469
Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	2.295.764.603	1.424.048.131
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	673.010.108	603.166.028
Phải trả Quỹ phòng cháy chữa cháy	286.671.542	215.824.644
	53.491.314.873	108.250.792.281

(i) Số dư này phản ánh số tiền bồi thường phân bổ cho các công ty tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(ii) Số dư này phản ánh số tiền Tổng Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Tổng Công ty. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh 9 và Thuyết minh 10).

17. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Biến động doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	58.895.295.871	65.001.201.436
Tăng trong năm	98.401.791.446	148.021.090.034
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 22)	(122.884.492.491)	(154.126.995.599)
Số dư cuối năm	34.412.594.826	58.895.295.871

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	301.082.566.982	70.411.702.202	230.670.864.780
• Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	255.457.918.467	58.168.519.553	197.289.398.914
• Dự phòng IBNR	45.624.648.515	12.243.182.649	33.381.465.866
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	575.989.067.455	124.368.717.797	451.620.349.658
	877.071.634.437	194.780.419.999	682.291.214.438

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	417.763.513.417	161.997.046.586	255.766.466.831
• Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	369.508.741.358	145.481.324.379	224.027.416.979
• Dự phòng IBNR	48.254.772.059	16.515.722.207	31.739.049.852
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	663.530.871.731	196.282.630.081	467.248.241.650
	1.081.294.385.148	358.279.676.667	723.014.708.481

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

(i) Biến động dự phòng bồi thường trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	417.763.513.417	161.997.046.586	255.766.466.831
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(116.680.946.435)	(91.585.344.384)	(25.095.602.051)
Số dư cuối năm	301.082.566.982	70.411.702.202	230.670.864.780

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	334.083.034.511	86.359.615.954	247.723.418.557
Trích lập dự phòng trong năm	83.680.478.906	75.637.430.632	8.043.048.274
Số dư cuối năm	417.763.513.417	161.997.046.586	255.766.466.831

(ii) Biến động dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	663.530.871.731	196.282.630.081	467.248.241.650
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(87.541.804.276)	(71.913.912.284)	(15.627.891.992)
Số dư cuối năm	575.989.067.455	124.368.717.797	451.620.349.658

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	642.828.375.544	212.684.385.594	430.143.989.950
Hoàn nhập dự phòng trong năm	20.702.496.187	(16.401.755.513)	37.104.251.700
Số dư cuối năm	663.530.871.731	196.282.630.081	467.248.241.650

(b) **Dự phòng dao động lớn**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	93.068.408.400	82.488.725.112
Trích lập dự phòng trong năm	11.127.155.292	10.579.683.288
Số dư cuối năm	104.195.563.692	93.068.408.400

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Thay đổi vốn chủ sở hữu

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quý dự trữ bắt buộc VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	25.386.364.649	9.777.766.140	97.559.589.129	732.302.465.073
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	87.844.222.372	87.844.222.372
Cổ tức	-	-	-	-	-	(72.179.367.222)	(72.179.367.222)
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	3.800.313.255	(3.800.313.255)	-
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	4.392.211.119	-	(4.392.211.119)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	29.778.575.768	13.578.079.395	105.031.919.905	747.967.320.223
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	88.937.406.175	88.937.406.175
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	4.172.600.563	(4.172.600.563)	-
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	4.446.870.309	-	(4.446.870.309)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	34.225.446.077	17.750.679.958	185.349.855.208	836.904.726.398

(i)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 29 tháng 3 năm 2019, tùy thuộc vào hiệu quả kinh doanh thực tế trong giai đoạn 2016 – 2022, Tổng Công ty sẽ trích tỷ lệ từ 5% – 20% nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (sau khi trích lập các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát) của từng năm để tạo nguồn thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Theo đó, Tổng Công ty đã trích thêm vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền 4.172.600.563 VND, tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Khoản thưởng này vẫn chưa chi trả cho nhân viên và đang được ghi nhận ở khoản mục quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) Vốn cổ phần

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(526)	(5.260.000)	(526)	(5.260.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.474	599.994.740.000	59.999.474	599.994.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	49.082.342	81,80%
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.903.651	6,51%
Các cổ đông cá nhân khác	7.013.481	11,69%
	59.999.474	100%

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

(a) Phí bảo hiểm gốc

	2023 VND	2022 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	483.832.554.223	541.101.401.016
Bảo hiểm con người	299.483.363.065	306.717.622.659
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	269.326.152.179	323.273.442.449
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	100.533.156.145	101.423.672.402
Bảo hiểm tàu thuyền	54.320.417.769	48.580.125.883
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	49.345.909.064	34.824.870.551
Bảo hiểm thuyền viên	6.125.272.140	4.983.575.629
	1.262.966.824.585	1.360.904.710.589

(b) Phí nhận tái bảo hiểm

	2023 VND	2022 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	32.275.685.750	29.105.966.446
Bảo hiểm con người	84.630.930.079	71.557.168.237
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	121.565.174.422	132.011.430.268
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	835.493.195	1.414.971.082
Bảo hiểm tàu thuyền	171.369.066	206.213.154
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	18.376.140.079	13.291.942.199
	257.854.792.591	247.587.691.386

21. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2023 VND	2022 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	71.663.857.905	161.981.985.870
Bảo hiểm con người	90.991.094.849	115.277.715.945
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	168.395.104.450	206.859.698.794
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	33.972.980.333	33.857.478.067
Bảo hiểm tàu thuyền	16.717.163.703	12.708.588.784
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	25.654.220.374	19.376.093.636
Bảo hiểm thuyền viên	711.666.364	462.512.147
	408.106.087.978	550.524.073.243

22. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2023 VND	2022 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	42.747.160.811	57.875.285.047
Bảo hiểm con người	19.551.268.152	30.381.217.989
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	45.788.972.428	47.998.902.253
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	7.592.150.765	8.294.198.891
Bảo hiểm tàu thuyền	2.571.623.494	1.425.455.173
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	4.633.316.841	8.151.936.246
	122.884.492.491	154.126.995.599

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

23. CHI BỒI THƯỜNG

	2023 VND	2022 VND
<i>Chi bồi thường</i>		
• Chi bồi thường bảo hiểm gốc (i)	571.443.699.761	477.272.832.962
• Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (ii)	166.248.353.893	85.288.311.433
	737.692.053.654	562.561.144.395
<i>Trừ đi các khoản giảm trừ bồi thường</i>		
• Thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, hàng đã xử lý bồi thường	(9.211.282.778)	(2.605.159.682)
	728.480.770.876	559.955.984.713

(i) Chi bồi thường bảo hiểm gốc

	2023 VND	2022 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	258.836.200.345	264.402.324.313
Bảo hiểm con người	131.952.881.900	115.846.889.754
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	108.973.949.134	39.215.023.535
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	33.184.178.903	29.224.484.004
Bảo hiểm tàu thuyền	33.487.352.497	26.461.762.297
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	4.245.838.540	1.372.115.059
Bảo hiểm thuyền viên	763.298.442	750.234.000
	571.443.699.761	477.272.832.962

(ii) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	2023 VND	2022 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	25.981.846.494	31.679.402.318
Bảo hiểm con người	102.609.629.130	21.250.949.665
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	35.365.719.844	30.669.831.712
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	110.609.875	74.007.418
Bảo hiểm tàu thuyền	1.813.314.683	1.134.590.210
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	367.233.867	479.530.110
	166.248.353.893	85.288.311.433

24. THU BỒI THƯỜNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2023 VND	2022 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	102.104.195.679	68.365.576.695
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	78.190.727.196	84.279.647.872
Bảo hiểm con người	90.192.957.505	28.707.343.575
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	12.380.525.337	12.618.631.688
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	9.831.479.040	7.300.495.504
Bảo hiểm tàu thuyền	1.216.781.438	1.349.780.467
	293.916.666.195	202.621.475.801

25. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	2023 VND	2022 VND
Chi hoa hồng bảo hiểm (Thuyết minh 8(ii))	192.281.534.870	166.578.768.713
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		
<i>Chi phí phát triển kinh doanh</i>	152.760.678.416	180.820.906.378
<i>Chi phí nhân viên</i>	114.960.678.619	71.622.032.645
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	78.867.527.103	90.427.252.713
<i>Chi phí giám định tổn thất</i>	20.343.296.087	13.315.468.207
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	4.046.392.823	5.499.514.373
<i>Chi phí khác</i>	38.274.839.240	36.183.255.170
	409.253.412.288	397.868.429.486
	601.534.947.158	564.447.198.199

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn	108.008.644.630	73.998.793.356
Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.231.057.386	61.063.030.515
Thu nhập lãi từ đầu tư trái phiếu	1.846.854.452	11.067.661.540
Cổ tức được chia	2.202.250.000	1.054.060.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.374.795.242	3.335.704.918
Lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư	3.878.763.889	-
	122.542.365.599	150.519.250.329

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	6.882.196.155	1.338.869.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.763.735.139	4.498.779.146
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 6(a))	(8.749.874.230)	8.405.502.318
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán thuộc hợp đồng ủy thác đầu tư (Thuyết minh 6(c))	803.524.000	-
Chi phí tài chính khác	-	66.000
	2.699.581.064	14.243.216.744

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	186.185.289.196	187.168.057.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.805.958.208	60.049.052.381
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 6(d))	(7.598.489.832)	(973.192.587)
Công cụ và dụng cụ	7.590.356.815	6.152.008.157
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	6.411.073.480	7.067.676.916
Chi phí khấu hao	2.252.220.933	3.252.339.983
Thuế và phí	96.799.784	123.216.972
	244.743.208.584	262.839.158.897

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	23.460.341.102	21.408.195.119
Dự phòng thừa trong năm trước	(439.200.000)	-
	23.021.141.102	21.408.195.119
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(939.938.049)	863.034.329
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22.081.203.053	22.271.229.448

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	111.018.609.228	110.115.451.820
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	22.203.721.846	22.023.090.364
Chi phí không được khấu trừ thuế	757.131.207	458.951.084
Thu nhập không bị tính thuế (i)	(440.450.000)	(210.812.000)
Dự phòng thừa trong năm trước	(439.200.000)	-
	22.081.203.053	22.271.229.448

(i) Thu nhập không bị tính thuế liên quan đến thu nhập từ cổ tức được chia.

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	88.937.406.175	87.844.222.372
Phân bổ vào quỹ khác (*)	(4.172.600.563)	(3.800.313.255)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	84.764.805.612	84.043.909.117

(*) Số phân bổ vào quỹ khác để tạo nguồn thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số tiền tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023 Cổ phiếu	2022 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	59.999.474	59.999.474
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	59.999.474	59.999.474

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023 VND/cổ phiếu	2022 VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.413	1.401

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu, trái phiếu, tiền gửi ngân hàng và dài hạn tại ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	570.182.328.549	641.353.103.059
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(i)	705.513.671.233	730.705.156.044
Trái phiếu – ngắn hạn	(ii)	-	25.000.000.000
Ủy thác đầu tư – tiền gửi ngân hàng	(ii)	7.759.479.580	-
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – gộp	(iii)	283.886.435.664	310.600.359.714
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	(iii)	61.251.170.839	40.597.276.919
Ký quỹ ngắn hạn	(iii)	2.991.716.925	1.103.769.460
Phải thu khác	(iii)	48.617.747.343	57.828.290.939
Ký quỹ bảo hiểm	(i)	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	(iii)	11.977.221.553	740.421.990
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	(i)	182.000.000.000	6.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	(ii)	1.503.000.000	41.503.000.000
Tài sản dài hạn khác	(iii)	9.629.634.050	8.023.354.842
		1.897.312.405.736	1.875.454.732.967

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, ủy thác đầu tư – tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, ủy thác đầu tư – tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào loại chứng khoán nợ của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Tổng Công ty.

(iii) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	29.734.900.604	32.121.842.829
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.817.012.239	4.871.429.947
Quá hạn trên 180 ngày	379.775.906	13.534.262.624
	31.931.688.749	50.527.535.400

Các khoản phải thu bị quá hạn và đã được trích lập dự phòng tại ngày báo cáo được trình bày trong Thuyết minh 7(d).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	344.422.421.137	344.422.421.137	344.422.421.137
Phải trả cổ tức	9.349.966.452	9.349.966.452	9.349.966.452
Chi phí phải trả	20.390.963.551	20.390.963.551	20.390.963.551
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	18.726.679.725	18.726.679.725	18.726.679.725
	392.890.030.865	392.890.030.865	392.890.030.865

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	347.845.341.967	347.845.341.967	347.845.341.967
Phải trả cổ tức	10.305.870.732	10.305.870.732	10.305.870.732
Chi phí phải trả	34.021.717.599	34.021.717.599	34.021.717.599
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.778.505.932	20.778.505.932	20.778.505.932
	412.951.436.230	412.951.436.230	412.951.436.230

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch có gốc ngoại tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tổng Công ty đảm bảo trạng thái thuận của rủi ro này được giữ ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mất cân đối ngắn hạn. Ban Điều hành không tham gia vào các giao dịch bảo hiểm rủi ro tiền tệ vì cho rằng chi phí của các công cụ này lớn hơn rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái đối với Tổng Công ty là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	570.182.328.549	641.353.103.059
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	705.513.671.233	730.705.156.044
Trái phiếu – ngắn hạn	-	25.000.000.000
Ủy thác đầu tư – tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	7.759.479.580	-
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	182.000.000.000	6.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	1.503.000.000	41.503.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	12.000.000.000

(iii) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn kinh doanh do Tổng Công ty nắm giữ. Ban Điều hành của Tổng Công ty theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Đầu tư phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của Tổng Công ty là không đáng kể vì Tổng Công ty nắm giữ danh mục đầu tư không trọng yếu.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND

Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

• Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu niêm yết	-	-	26.669.987.614	26.669.987.614
• Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM	1.223.360.600	1.223.360.600	1.429.428.100	1.429.428.100
• Chứng khoán kinh doanh - chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	19.961.996.000	(*)	19.961.996.000	(*)

Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

• Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	705.513.671.233	(*)	730.705.156.044	(*)
• Trái phiếu - ngắn hạn	-	-	25.000.000.000	(*)
• Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn	182.000.000.000	(*)	6.000.000.000	(*)
• Trái phiếu - dài hạn	-	(*)	40.000.000.000	(*)

Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:

• Tiền các khoản tương đương tiền	572.229.256.976	572.229.256.976	643.386.774.379	643.386.774.379
• Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	283.886.435.664	(*)	310.600.359.714	(*)
• Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	61.251.170.839	(*)	40.597.276.919	(*)
• Ký quỹ ngắn hạn	2.991.716.925	(*)	1.103.769.460	(*)
• Phải thu khác	48.617.747.343	(*)	57.828.290.939	(*)
• Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
• Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	11.977.221.553	(*)	740.421.990	(*)
• Tài sản dài hạn khác	9.629.634.050	(*)	8.023.354.842	(*)

Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán

• Đầu tư ngắn hạn khác	31.325.655.580	(*)	-	-
------------------------	----------------	-----	---	---

Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

• Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	(344.422.421.137)	(*)	(347.845.341.967)	(*)
• Phải trả cổ tức	(9.349.966.452)	(*)	(10.305.870.732)	(*)
• Chi phí phải trả	(20.390.963.551)	(*)	(34.021.717.599)	(*)
• Các khoản phải trả ngắn hạn khác	(18.726.679.725)	(*)	(20.778.505.932)	(*)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(e) Giá trị hợp lý (tiếp theo)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn đã niêm yết được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá trị hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

32. RỦI RO BẢO HIỂM

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 50 và Công văn số 792 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 67 và Công văn 792 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023).

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn 792 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Tổng Công ty duy trì biên khả năng thanh toán tối thiểu trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Nghị định 73 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2023) và Nghị định 46 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2023).

Biên khả năng thanh toán tối thiểu của công ty bảo hiểm phi nhân thọ sẽ là giá trị lớn hơn của các kết quả tính toán sau:

- 25,0% trong tổng số phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán;
- 12,5% trong tổng số phí bảo hiểm gốc cộng với phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán.

Bảng dưới đây nêu lên tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ an toàn vốn của Tổng Công ty. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát bảo hiểm đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

32. RỦI RO BẢO HIỂM (tiếp theo)

Bảng dưới đây nêu lên tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ an toàn vốn của Tổng Công ty. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát bảo hiểm đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty VND	Biên khả năng thanh toán tối thiểu VND	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	627.645.351.795	278.178.882.300	226%
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	496.213.564.293	264.492.082.183	188%

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Trong vòng một năm	10.931.805.028	10.447.731.840
Trong vòng hai đến năm năm	10.535.874.001	14.701.243.572
	21.467.679.029	25.148.975.412

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		31/12/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.053.208	25.289.907.307	2.026.871	47.537.942.662

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

(a) Số dư với các bên liên quan

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Tiền gửi thanh toán	25.456.238.612	178.165.429.546
Tiền gửi có kỳ hạn	1.105.259.600.000	874.340.393.249
Dự thu lãi tiền gửi	60.758.922.973	33.575.869.267
Công ty liên quan khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán	9.478.127.795	7.778.431.582
Tiền gửi có kỳ hạn	52.000.000.000	33.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	2.655.999.763	1.323.611.343
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	(47.100.000)	(94.200.000)
Thành viên Ban Điều hành Tổng Công ty		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	(608.200.000)	(705.036.412)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Giao dịch phát sinh với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	1.105.259.600.000	21.747.902.491.730
Rút tiền gửi có kỳ hạn	874.340.393.249	21.435.658.548.902
Thu nhập lãi tiền gửi	92.402.405.553	58.669.740.206
Phí dịch vụ ngân hàng	13.808.920	982.807.440
Chia cổ tức	-	59.046.057.426
Công ty liên quan khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	55.000.000.000	28.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	36.000.000.000	34.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	3.783.943.196	2.411.638.778
Phí dịch vụ ngân hàng	222.199.371	826.373.201
Chia cổ tức	-	4.696.092.153
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	2.556.000.000	2.668.615.600
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	898.260.000	721.670.700
Thành viên Ban Điều hành Tổng Công ty		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	7.982.100.000	6.723.064.682

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:



Châu Hậu Doanh Doanh
Người lập



Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng



Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Tên công ty Thành viên/Văn phòng kinh doanh trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	Tên giám đốc/người đứng đầu đơn vị	Chức vụ	Điện thoại liên hệ	Email
1	Bảo Long Thái Nguyên	Số 02, Tổ 19, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.	0208 3651115	0208 3651113	Khuất Duy Hải	Giám đốc	0906 936 888	hai_kd@baohiembaolong.vn
1.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Cao Bằng	Chưa hoạt động						
2	Bảo Long Quảng Ninh	Tầng 3-6 căn nhà O số 3, ô số 4* QH đất xen kẹp nhà văn hóa khu 6A, Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	02033 819295	02033 815185	Nguyễn Ngọc Lân	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	0916 626 888	lan_nn@baohiembaolong.vn
2.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Cẩm Phả	Số Nhà 397, Tổ 68, Khu Diêm Thủy, Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	02033 710555		Trần Bình Trung	Trưởng phòng	0915 414 255	trung_tb@baohiembaolong.vn
2.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Móng Cái	Đang cập nhật						
3	Bảo Long Phú Thọ	Tòa nhà MB, Số 1596, Đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	0210 3652999	0210 3652288	Lê Thành Đồ	Giám đốc	0913 282 255	do_lt@baohiembaolong.vn
4	Bảo Long Hà Nội	Tầng 3, số 49 Ngõ Quyển, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	0243 7629070	0243 7629045	Trịnh Thủy Nga	Giám đốc	0989 135 930	nga_tt@baohiembaolong.vn
5	Bảo Long Thủ Đức	Tầng 2, số 49 Ngõ Quyển, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	0243 7824330	0243 7824331	Phạm Thị Thảo	Giám đốc	0913 062 981	thao_pt@baohiembaolong.vn
6	Bảo Long Thăng Long	Tầng 2, số 49 Ngõ Quyển, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	0247 1086033	0247 1086033	Hoàng Trung Thành	Giám đốc	0977 567 899	thanhht@baohiembaolong.vn
7	Bảo Long Hải Phòng	Tầng 7 Tòa Nhà CPN, Số 7 Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	02253 686999	02253 686888	Nguyễn Thị Thuyết	Giám đốc	0978 694 461	thuyet_nt@baohiembaolong.vn
7.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nam	Số 14 ngách 84, ngõ 174, Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội	0313 686999 0313 686777 0313 686555	0313 686888				
7.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nội	14/178/48 Tây Sơn, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội						
7.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Hưng Yên	Xóm 2 Thôn Mế Xã, Xã Nguyễn Trãi, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên	0913 819 568					

STT	Tên công ty Thành viên/Văn phòng kinh doanh trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	Tên giám đốc/người đứng đầu đơn vị	Chức vụ	Điện thoại liên hệ	Email
8	Bảo Long Thanh Hóa	Tầng 3,154 Đường Lạc Long Quân, Phường Đồng Vệ, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	0237 3855658	0237 3859658	Nguyễn Văn Toàn	Giám đốc	0949 147 159	toan_nv@baohiembaolong.vn
8.1	Phòng kinh doanh Khu vực Triệu Sơn	Đang cập nhật			Lê Hoàng Thăng	Trưởng phòng	0976 055 968	thang_lh@baohiembaolong.vn
8.2	Phòng kinh doanh Khu vực Nghi Sơn	Đang cập nhật						
9	Bảo Long Khu vực Bắc Trung Bộ	106A Đường Mai Hắc Đế, Phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238 3575368	0238 3575268	Bùi Huy Thăng	Giám đốc	0912 601 213	thang_bh@baohiembaolong.vn
9.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Tĩnh	365 Trần Phú, Khu phố Vĩnh Hòa, Phường Thạch Linh, TP. Hà Tĩnh	0393 690696	0393 868585	Lê Văn Mão	Trưởng phòng	0976 395 336	mao_lv@baohiembaolong.vn
9.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Nghệ An	Khố 3, Thị trấn Diễn Châu, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An			Trần Ngọc Oanh	Trưởng phòng	0988 824 438	oanh_tn@baohiembaolong.vn
9.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nghệ An	437 Khối Đồng Tâm, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An			Bùi Huy Duẩn	Trưởng phòng	0988 705 536	duan_bh@baohiembaolong.vn
9.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Đô Lương	Xóm Yên Thế, Xã Yên Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An			Tăng Văn Khoa	Trưởng phòng	0902 192 223	khoa_tv@baohiembaolong.vn
9.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Quỳnh Lưu	Xóm 3, Xã Quỳnh Hồng, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An			Bùi Lê Duy Toàn	Trưởng phòng	0918 325 988	toan_bid@baohiembaolong.vn
10	Bảo Long Khu vực Trung Bộ	số 56 đường Nguyễn Khuyến, Phường Phú Nhuận, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	0234 3978255	0234 3879099	Hoàng Bình	Giám đốc	0903 514 089	binh_h@baohiembaolong.vn
11	Bảo Long Khu vực Tây Nguyên	161 Ngõ Quyển, Phường Tân An, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	0262 8553789	0262 3968768	Dương Đức Tiến	Giám đốc	0903 557 999	tien_dd@baohiembaolong.vn
11.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Đắk Nông	TDP2, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	0501 3543390					
11.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Eakar	135 Đường Quang Trung, Thôn 1A, Cư Ni, Thị trấn Eakar, Tỉnh Đắk Lắk						

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Tên công ty thành viên/Văn phòng kinh doanh trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	Tên giám đốc/người đứng đầu đơn vị	Chức vụ	Điện thoại liên hệ	Email
1.2	Bảo Long Đà Nẵng	Số 196, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0236 3840890	0236 3840656	Nguyễn Văn Ba	Giám đốc	0983 272 742	ba_nv@baohiembaolong.vn
1.2.1	Phòng kinh doanh Khu vực Hội An	Số 392 Cửa Đại, Phường Cẩm Châu, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam						
1.2.2	Trung tâm kinh doanh Sông Hàn	L/A, KDC Bắc Tân Thành, Phường Tân Thành, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam			Hồ Quang Hiến	Trưởng phòng	0975109 687	hien_hq@baohiembaolong.vn
1.3	Bảo Long Quảng Ngãi	Số 98, Đường Trường Chinh, Phường Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	0255 6556999	0255 3836181	Lê Nguyễn Minh Quang	Giám đốc	0969 659 977	quang_lnm@baohiembaolong.vn
1.3.1	Phòng kinh doanh Khu vực Bắc Quảng Nam	Tổ 64 Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng			Phạm Thị Lệ Thủy	Trưởng phòng	0947 496 854	thuy_pt@baohiembaolong.vn
1.3.2	Phòng kinh doanh Khu vực Bình Sơn	Bình Thuận, Bình Sơn, Quảng Ngãi			Trần Nam Hoàng	Giám đốc	0914 090 676	hoang_tr@baohiembaolong.vn
1.4	Bảo Long Phú Yên	Số 242-244-246 Đường Hùng Vương, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	0257 3821979	0257 3810409 0257 813199		Giám đốc	0905 210 958	van_td@baohiembaolong.vn
1.4.1	Phòng kinh doanh Khu vực Đông Hòa	Khu phố 2, Thị trấn Hòa Vinh, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên	0257 3531979	0257 3531979	Trương Anh Toàn	Trưởng phòng	0905 851 436	toan_ta@baohiembaolong.vn
1.4.2	Phòng kinh doanh Khu vực Sông Cầu	Số 148, Đường Phạm Văn Đồng, Khu phố Long Hải, Phường Xuân Phú, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	0257 3876616	0257 3876616	Nguyễn Tư	Trưởng phòng	0982 875 957	tu_n@baohiembaolong.vn
1.5	Bảo Long Bình Định	Số 272, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256 3846350	0256 3846380	Tô Đình Văn	Giám đốc	0905 210 958	van_td@baohiembaolong.vn
1.5.1	Phòng kinh doanh Khu vực Phú Cát	10 Đường Hai Bà Trưng, Thị trấn Ngô Mai, Huyện Phú Cát, Tỉnh Bình Định	0256 3604198					
1.5.2	Phòng kinh doanh Khu vực An Nhơn	Số 30/3, Đường Bắc Ngô Gia Tự, Phường Bình Định, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256 3735157	0256 3735157				
1.5.3	Phòng kinh doanh Khu vực Hoài Nhơn	177 Quang Trung, Thị trấn Đống Sơn, Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256 3961355	0256 3961356				
1.5.4	Phòng kinh doanh Khu vực Phú Mỹ							
1.5.5	Phòng kinh doanh Khu vực Tây Sơn	Chưa hoạt động						

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Tên công ty thành viên/Văn phòng kinh doanh trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	Tên giám đốc/người đứng đầu đơn vị	Chức vụ	Điện thoại liên hệ	Email
1.6	Bảo Long Khánh Hòa	Số 236, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phước Hòa, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	0258 3515229 0258 3516609	0258 3515209 0258 3516609	Trương Văn Hiếu	Giám đốc	0914 008 489	hieu_tv@baohiembaolong.vn
1.6.1	Phòng kinh doanh Khu vực Ninh Thuận	Số 5 Đường Trần Phú, Phường Thành Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	0259 3828768	0259 3828768	Phạm Thị Châu Sương	Trưởng phòng	0908 020 611	suong_ptc@baohiembaolong.vn
1.6.2	Phòng kinh doanh Khu vực Ninh Hòa	Số 441, Đường Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	0258 3631666	0258 3631666	Nguyễn Thị Lợi	Trưởng phòng	0905 631 669	loi_nt@baohiembaolong.vn
1.6.3	Phòng kinh doanh Khu vực Cam Lâm	Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	0258 3859268		Phạm Chí Tịnh	Trưởng phòng	0364 517 606	tinh_pc@baohiembaolong.vn
1.6.4	Phòng kinh doanh Khu vực Cam Ranh	Số 131, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Cam Thuận, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	0258 3950380	0258 3950380	Nguyễn Văn Sum	Trưởng phòng	0913 413 604	sum_nv@baohiembaolong.vn
1.6.5	Phòng kinh doanh Khu vực Vạn Ninh	Số 469, Đường Hùng Vương, Thị trấn Vạn Giã, Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	0258 3840223	0258 3840223	Nguyễn Mốt	Trưởng phòng	0913 469 038	mot_nt@baohiembaolong.vn
1.7	Bảo Long Bình Thuận	Số 47, Phạm Văn Đồng, Khu phố 6, Phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	0252 6253179	0252 6253179	Trần Lan Ngọc	Giám đốc	0902 518 699	ngoc_tl@baohiembaolong.vn
1.8	Bảo Long Bình Dương	Số 126, Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	0274 3837108	0274 3837109	Phan Văn Xứng	Giám đốc	0918 056 953	xung_pv@baohiembaolong.vn
1.8.1	Phòng kinh doanh Khu vực Phú Giáo	Số 550, Khu phố 2, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	Không sử dụng	Không sử dụng	Nguyễn Thế Vỹ	Trưởng phòng	0914 127 929	vy_nt@baohiembaolong.vn
1.9	Bảo Long Đồng Nai	Lô BN4 - UK20, Đường N1, Khu Phố 6, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251 3822112 0251 3918095	0251 3822966	Mai Lâm Quý	Giám đốc	0903 649 479	qui_ml@baohiembaolong.vn
2.0	Bảo Long Vũng Tàu	Tầng 4-5, Tòa nhà 89, Đường Lê Lợi, Phường 6, TP. Vũng Tàu	0254 3591033	0254 3591932	Lê Văn Ngọc	Giám đốc	0903 816 819	ngoc_lv@baohiembaolong.vn
2.0.1	Phòng kinh doanh Khu vực Bà Rịa	389 CMT8, Phường Nguyễn, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			Bùi Văn Minh	Trưởng phòng	091 31 99 82 90	minh_bv1@baohiembaolong.vn
2.0.2	Phòng kinh doanh Khu vực Phước Tỉnh	Số 37, Tổ 2, Ấp Phước Thọ, Xã Phước Hưng, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Không sử dụng	Không sử dụng	Nguyễn Đức Thông	Trưởng phòng	0918 00 55 90	thong_nd@baohiembaolong.vn
2.0.3	Phòng kinh doanh Khu vực Tân Thành	Quốc lộ 51A, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu			Nguyễn Thái Hiệp	Trưởng phòng	0918 212 161	hiiep_nt@baohiembaolong.vn
2.1	Số giao dịch Bảo Long	Số 159, Đường Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM	0283 5172915	0283 5172921	Lê Thanh Hằng	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	0903 813 947	hang_lt@baohiembaolong.vn
2.1.1	Phòng kinh doanh Khu vực Khu Công nghệ cao							
2.2	Bảo Long Bến Thành	Văn phòng 601 (Tầng 6), số 75, Đường Hồ Hảo Hớn, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM	0283 9145312	0283 9145311	Trần Thanh Nam	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	0903 872 727	nam_tt@baohiembaolong.vn
2.3	Bảo Long TP.HCM	Lầu 4, 50 BIS - 52 - 46/10, Đường Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM	0283 8296268	0283 8296269	Nguyễn Văn Thơm	Giám đốc	0913 929 158	thom_nv@baohiembaolong.vn
2.3.1	Trung tâm kinh doanh Thủ Thiêm	Lầu 4, 50 BIS - 52 - 46/1, Đường Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM	0283 6369909					
2.4	Bảo Long Sài Gòn	Số 60 Đường Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	0283 9202288	0283 9204556	Đoàn Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh	0903 127 812	thang_dt@baohiembaolong.vn
2.4.1	Trung tâm kinh doanh Thủ Thiêm	Số 60 Đường Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM						

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Tên công ty thành viên/Văn phòng kinh doanh trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	Tên giám đốc/người đứng đầu đơn vị	Chức vụ	Điện thoại liên hệ	Email
25	Bảo Long Nam Sài Gòn	Số 39, Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP.HCM	0283.8537990	0283.8536079	Trần Thị Tuyết Lan	Giám đốc	0909 344 268	lan_tt@baohiembaolong.vn
26	Bảo Long Gia Định	Số 59, Đường Phan Bội Kiên, Phường 12, Quận Tân Bình, TP.HCM	0283 5264405	0283 5261158	Mai Xuân Thảo	Giám đốc	0903.776.270	thao_mx@baohiembaolong.vn
27	Bảo Long Tân Sơn Nhất	Số 91, Đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	0283 9903119	0283 9903117	Nguyễn Minh Phong	Giám đốc	0903.705.588	phong_nm@baohiembaolong.vn
28	Bảo Long Long An	Tầng 4, Tòa nhà số 68A, Đường Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, Tỉnh Long An	0272 3550677	0272 3550477	Trần Văn Giang	Giám đốc	0903 720 159	giang_tv@baohiembaolong.vn
28.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Tho	Lầu 3, Nhà số 134-136, Đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	0273 3877805	0273 3876239				
29	Bảo Long Cần Thơ	Số 30 - A3, Khu dân cư Hùng Phú I, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	0292 3834117	0292 3766466	Đoàn Minh Thi	Giám đốc	0903 012 619	thi_dm@baohiembaolong.vn
29.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Vĩnh Long	Số 249/4/17, Đường Phạm Thái Bường, Phường 4, TP. Vĩnh Long	0270 3842.197	0270 3842.197	Trần Thị Kiều	Trưởng phòng	0934 679 915	kieu_tt@baohiembaolong.vn
29.2	Phòng Kinh doanh Khu vực An Giang	Chưa hoạt động			Nguyễn Thuế Anh	PGD Kiểm Trưởng phòng	0986 868 828	anh_nt@baohiembaolong.vn
29.3	Phòng Kinh doanh 6	Số 249/4/17, Đường Phạm Thái Bường, Phường 4, TP. Vĩnh Long						
30	Bảo Long Cà Mau	Số 39, Đường Hồ Trung Thành, Phường 7, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	0290 3520557	0290.3520556	Phạm Việt Anh	Giám đốc	0904 634 690	anh_pv@baohiembaolong.vn
30.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Bạc Liêu	Số 14 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 3, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	07813 686566	07813.686566	Võ Xuân Bảo	PGD kiểm Trưởng phòng		
30.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Sóc Trăng	Số 59, Tỉnh Lộ 934, ấp Hòa Mỹ, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng						
31	Bảo Long Lâm Đồng	Số 02B, Đường Ba Tháng Tư, Phường 3, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	0263 3837568	0263 3837268	Phạm Ý Vượt	Giám đốc	0911 313 339	vuot_py@baohiembaolong.vn
31.1	Phòng Kinh doanh Bảo Lộc	Số 312, Đường Phú, Phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng	0263 3958888	0263 3958999	Nguyễn Thị Quỳnh	Trưởng phòng	0917 070 360	quynh_nt@baohiembaolong.vn
31.2	Phòng Kinh doanh Đức Trọng	Số 415, Quốc Lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng			Lưu Hồng Duy	Trưởng phòng	0979 811 738	duy_lh@baohiembaolong.vn
32	Bảo Long Gia Lai	Số 45, Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Hoa Lư, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	02693 829767	02693 714243	Nguyễn Thị Thiểu Hoa	Giám đốc	0905 363 455	hoa_ntt@baohiembaolong.vn
33.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Đồng Tháp	Số 27, Đường Nguyễn Văn Biếu, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp						
34	Bảo Long Đồng Sài Gòn	Tầng 11, Tòa nhà số 78-80, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM	028.38279478	028.38239254	Dương Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	0903 958 979	ngoc_dq@baohiembaolong.vn
35	Bảo Long Quảng Bình	Số 261, Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Phú, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	0232.3838233	0232.3838234	Nguyễn Lê Quang	Giám đốc	0983549659	quang_nl@baohiembaolong.vn
35.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Quảng Trạch	Số 261, Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Phú, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình						
35.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Bố Trạch	Số 68, Đường Trần Phú, Thị trấn Hoàn Lão, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình						

STT	Tên công ty thành viên/Văn phòng kinh doanh trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	Tên giám đốc/người đứng đầu đơn vị	Chức vụ	Điện thoại liên hệ	Email
36	Bảo Long Bắc Ninh	Số 39, Đường Đại Phúc 02, Phường Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	0222 3861666	0222 3634567	Nguyễn Quang Hải	Giám đốc	0909 090 269	hai_nq@baohiembaolong.vn
37	Bảo Long Đồng Phương	Phòng số 802, Lầu 8, Số 116-118, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM	0283 9505014	0283 9505013	Tô Thanh Trà	Giám đốc	0903 760 145	tra_tt@baohiembaolong.vn
38	Bảo Long Hải Dương	Tầng 6, Tòa nhà Vĩnh Lộc, Khu Tây, Phường Tân Bình, TP. Hải Dương	0220 3833999	Đang cập nhật	Nguyễn Như Thăng	Giám đốc	0989 002 288	thang_nn@baohiembaolong.vn
38.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Chi Linh	Trúc Thôn, Phường Cộng Hòa, Thị xã Chi Linh, Tỉnh Hải Dương						
38.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Kinh Môn				Phạm Thị Thu Hân	Trưởng phòng	0989789528	han_ptt@baohiembaolong.vn
39	Bảo Long Nam Định	Số 166/22, Đường Trường Chinh, Phường Quang Trung, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định	0228 3511199	0228 3511199	Hồ Thanh Quang	Giám đốc	0913 316 366	quang_ht@baohiembaolong.vn
40	Bảo Long Vĩnh Phúc	Tầng 2, Tòa nhà Viettel Vĩnh Phúc, Lô S1, Khu đô thị chùa Hà Tiên, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	0211 6251186	0211 6251186	Phạm Văn Hải	Giám đốc	0915 468 369	hai_pv@baohiembaolong.vn
40.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Thành	Số 38/64/3, Đường Phan Đình Giót, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	0915 137 060					
41	Bảo Long Đồng Hải	Phòng 501, Tầng 8, Tòa nhà 9 tầng nhà Khách Hải Quân, Số 5 lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	02253 816666	02253 250599	Phạm Như Quỳnh	Giám đốc	0913 811 878	quynh_pn@baohiembaolong.vn
41.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Khoái Châu	Thị tứ Bò Thoi, Xã Hồng Tiến, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên						
42	Sở Giao dịch Miền Bắc	Tầng 1, Số 49, Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 445 0108		Cung Trọng Toàn	Giám đốc	0903 410 008	toan_ct@baohiembaolong.vn
43	Bảo Long Ninh Bình	TTTTM Bình An Nhiên, Số 90 Đường Lê Hồng Phong, Phường Văn Giang, TP. Ninh Bình	02293 876899	0229.3875899	Hoàng Hải Hà	Giám đốc	0911 948 999	ha_hh@baohiembaolong.vn
43.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Yên Khánh	Khu Phố 1, Thị trấn Yên Ninh, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình			Nguyễn Văn Đông	Trưởng phòng	0912.431.242	dong_nv@baohiembaolong.vn
43.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tam Điệp	Phường Trung Sơn, TP. Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình						
43.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nam	Số 170, Đường Lê Công Thành, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam	03513 889269	03513 889269				
44	Bảo Long Thái Bình	Tầng 2, Lô số 20+22/TT4G, Dự án Khu phố 3, Khu đô thị mới, Đường Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	02273 6528666	02273 658966	Trần Minh Đại	Giám đốc	0983 552 668	dai_tm@baohiembaolong.vn
45	Bảo Long Đồng Đò	Tầng 5, Số 49, Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 6664 1786		Vũ Danh Tuyền	Giám đốc	0982 930 997	tuyen_vd@baohiembaolong.vn
45.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Đức - Hà Tây	Xóm 10, Xã Phù Lưu Tế, Huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội						
46	Bảo Long Tây Ninh	Số 57, Đường Lê Duẩn, Khu phố 1, Phường 3, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	02763 846666	02763 627666	Nguyễn Kiều Nam	Giám đốc	0903 637 738	nam_nk@baohiembaolong.vn
46.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Trảng Bàng	Ấp Suối Sầu, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh						

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

[📍] : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao,
Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

[☎] : (84.28) 3823 9219

[☎] : (84.28) 3822 8967

[✉] : info@baohiembalong.vn

[🌐] : baolonginsurance.com.vn